VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 ban hành Mã bưu chính quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 575 + 576)

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
35			**TỈNH LAI CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Lai Châu	30000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	30001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	30002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	30003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	30004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	30005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	30009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	30010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	30011
		10	Báo Lai Châu	30016
		11	Hội đồng nhân dân	30021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	30030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	30035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	30036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	30040
		16	Sở Công Thương	30041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30043
		19	Sở Ngoại vụ	30044
		20	Sở Tài chính	30045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	30046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	30047
		23	Công an tỉnh	30049
		24	Sở Nội vụ	30051
		25	Sở Tư pháp	30052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	30053
		27	Sở Giao thông vận tải	30054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	30055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	30057
		31	Sở Xây dựng	30058
		32	Sở Y tế	30060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	30061
		34	Ban Dân tộc	30062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	30063
		36	Thanh tra tỉnh	30064
		37	Trường chính trị tỉnh	30065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	30066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	30067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	30070
		41	Cục Thuế	30078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Hải quan	30079
		43	Cục Thống kê	30080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	30081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	30085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	30086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	30087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	30088
		49	Hội Nông dân tỉnh	30089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	30090
		51	Tỉnh Đoàn	30091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	30092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	30093
	1		**THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Lai Châu	30100
		2	Thành ủy	30101
		3	Hội đồng nhân dân	30102
		4	Ủy ban nhân dân	30103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30104
		6	P. Quyết Tiến	30106
		7	P. Quyết Thắng	30107
		8	X. Nậm Loỏng	30108
		9	P. Đoàn Kết	30109
		10	P. Tân Phong	30110
		11	P. Đông Phong	30111
		12	X. San Thàng	30112
		13	BCP. Lai Châu	30150
		13	BC. KHL Lai Châu	30150
		13	BC. Đoàn Kết	30150
		13	BC. Hệ 1 Lai Châu	30199
	2		**HUYỆN TAM ĐƯỜNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tam Đường	30200
		2	Huyện ủy	30201
		3	Hội đồng nhân dân	30202
		4	Ủy ban nhân dân	30203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30204
		6	TT. Tam Đường	30206
		7	X. Bình Lư	30207
		8	X. Sơn Bình	30208
		9	X. Hồ Thầu	30209
		10	X. Giang Ma	30210
		11	X. Tả Lèng	30211
		12	X. Thèn Sin	30212
		13	X. Sùng Phài	30213
		14	X. Nùng Nàng	30214

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		15	X. Bản Giang	30215
		16	X. Bản Hon	30216
		17	X. Khun Há	30217
		18	X. Nà Tăm	30218
		19	X. Bản Bo	30219
		20	BCP. Tam Đường	30250
		21	BC. Hồ Thầu	30251
	3		**HUYỆN PHONG THỔ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phong Thổ	30300
		2	Huyện ủy	30301
		3	Hội đồng nhân dân	30302
		4	Ủy ban nhân dân	30303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30304
		6	TT. Phong Thổ	30306
		7	X. Khổng Lào	30307
		8	X. Bản Lang	30308
		9	X. Dào San	30309
		10	X. Tông Qua Lìn	30310
		11	X. Pa Vây Sử	30311
		12	X. Mồ Sì San	30312
		13	X. Sì Lờ Lầu	30313
		14	X. Ma Li Chải	30314
		15	X. Vàng Ma Chải	30315
		16	X. Mù Sang	30316
		17	X. Ma Ly Pho	30317
		18	X. Hoang Thèn	30318
		19	X. Huổi Luông	30319
		20	X. Mường So	30320
		21	X. Lả Nhì Thàng	30321
		22	X. Nậm Xe	30322
		23	X. Sin Suối Hồ	30323
		24	BCP. Phong Thổ	30350
		25	BC. Mường So	30351
	4		**HUYỆN MƯỜNG TÈ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mường Tè	30400
		2	Huyện ủy	30401
		3	Hội đồng nhân dân	30402
		4	Ủy ban nhân dân	30403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30404
		6	TT. Mường Tè	30406
		7	X. Bun Nưa	30407
		8	X. Pa Vệ Sử	30408
		9	X. Pa Ủ	30409
		10	X. Tá Bạ	30410

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	X. Thu Lũm	30411
		12	X. Ka Lăng	30412
		13	X. Mù Cả	30413
		14	X. Mường Tè	30414
		15	X. Nậm Khao	30415
		16	X. Bun Tở	30416
		17	X. Tà Tổng	30417
		18	X. Kan Hồ	30418
		19	X. Vàng San	30419
		20	BCP. Mường Tè	30450
	5		**HUYỆN NẬM NHÙN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nậm Nhùn	30500
		2	Huyện ủy	30501
		3	Hội đồng nhân dân	30502
		4	Ủy ban nhân dân	30503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30504
		6	TT. Nậm Nhùn	30506
		7	X. Nậm Hàng	30507
		8	X. Pú Đao	30508
		9	X. Nậm Pì	30509
		10	X. Trung Chải	30510
		11	X. Nậm Ban	30511
		12	X. Hua Bum	30512
		13	X. Mường Mô	30513
		14	X. Nậm Chà	30514
		15	X. Nậm Manh	30515
		16	X. Lê Lợi	30516
		17	BCP. Nậm Nhùn	30550
	6		**HUYỆN SÌN HỒ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sìn Hồ	30600
		2	Huyện ủy	30601
		3	Hội đồng nhân dân	30602
		4	Ủy ban nhân dân	30603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30604
		6	TT. Sìn Hồ	30606
		7	X. Phăng Sô Lin	30607
		8	X. Ma Quai	30608
		9	X. Phìn Hồ	30609
		10	X. Pa Tần	30610
		11	X. Hồng Thu	30611
		12	X. Tả Phìn	30612
		13	X. Sà Dề Phìn	30613
		14	X. Tả Ngảo	30614
		15	X. Làng Mô	30615

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		16	X. Chăn Nưa	30616
		17	X. Tủa Sín Chải	30617
		18	X. Nậm Mạ	30618
		19	X. Nậm Cha	30619
		20	X. Căn Co	30620
		21	X. Nậm Hăn	30621
		22	X. Nậm Cuổi	30622
		23	X. Noong Hẻo	30623
		24	X. Pu Sam Cáp	30624
		25	X. Pa Khóa	30625
		26	X. Nậm Tăm	30626
		27	X. Lùng Thàng	30627
		28	BCP. Sìn Hồ	30650
		29	BC. Nậm Tăm	30651
	7		**HUYỆN TÂN UYÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Uyên	30700
		2	Huyện ủy	30701
		3	Hội đồng nhân dân	30702
		4	Ủy ban nhân dân	30703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30704
		6	TT. Tân Uyên	30706
		7	X. Phúc Khoa	30707
		8	X. Mường Khoa	30708
		9	X. Thân Thuộc	30709
		10	X. Nậm Cần	30710
		11	X. Nậm Sỏ	30711
		12	X. Tà Mít	30712
		13	X. Pắc Ta	30713
		14	X. Hố Mít	30714
		15	X. Trung Đồng	30715
		16	BCP. Tân Uyên	30750
	8		**HUYỆN THAN UYÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Than Uyên	30800
		2	Huyện ủy	30801
		3	Hội đồng nhân dân	30802
		4	Ủy ban nhân dân	30803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	30804
		6	TT. Than Uyên	30806
		7	X. Mường Than	30807
		8	X. Phúc Than	30808
		9	X. Mường Mít	30809
		10	X. Mường Cang	30810
		11	X. Pha Mu	30811
		12	X. Tà Hừa	30812

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	X. Tà Gia	30813
		14	X. Khoen On	30814
		15	X. Tà Mung	30815
		16	X. Mường Kim	30816
		17	X. Hua Nà	30817
		18	BCP. Than Uyên	30850

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36			**TỈNH LÂM ĐỒNG**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Lâm Đồng	66000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	66001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	66002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	66003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	66004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	66005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	66009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	66010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	66011
		10	Báo Lâm Đồng	66016
		11	Hội đồng nhân dân	66021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	66030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	66035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	66036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	66040
		16	Sở Công Thương	66041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	66042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	66043
		19	Sở Ngoại vụ	66044
		20	Sở Tài chính	66045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	66046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	66047
		23	Công an tỉnh	66049
		24	Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy	66050
		25	Sở Nội vụ	66051
		26	Sở Tư pháp	66052
		27	Sở Giáo dục và Đào tạo	66053
		28	Sở Giao thông vận tải	66054
		29	Sở Khoa học và Công nghệ	66055
		30	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	66056
		31	Sở Tài nguyên và Môi trường	66057
		32	Sở Xây dựng	66058
		33	Sở Y tế	66060
		34	Bộ chỉ huy Quân sự	66061
		35	Ban Dân tộc	66062
		36	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	66063
		37	Thanh tra tỉnh	66064
		38	Trường chính trị tỉnh	66065
		39	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	66066
		40	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	66067
		41	Bảo hiểm xã hội tỉnh	66070

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Thuế	66078
		43	Cục Hải quan	66079
		44	Cục Thống kê	66080
		45	Kho bạc Nhà nước tỉnh	66081
		46	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	66085
		47	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	66086
		48	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	66087
		49	Liên đoàn Lao động tỉnh	66088
		50	Hội Nông dân tỉnh	66089
		51	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	66090
		52	Tỉnh đoàn	66091
		53	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	66092
		54	Hội Cựu chiến binh tỉnh	66093
	1		**THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Đà Lạt	66100
		2	Thành ủy	66101
		3	Hội đồng nhân dân	66102
		4	Ủy ban nhân dân	66103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66104
		6	P. 8	66106
		7	P. 7	66107
		8	P. 6	66108
		9	P. 2	66109
		10	P. 1	66110
		11	P. 9	66111
		12	P. 12	66112
		13	P. 5	66113
		14	X. Tà Nung	66114
		15	P. 4	66115
		16	P. 3	66116
		17	P. 10	66117
		18	P. 11	66118
		19	X. Xuân Thọ	66119
		20	X. Xuân Trường	66120
		21	X. Trạm Hành	66121
		22	BCP. Đà Lạt	66150
		23	BC. KHL Đà Lạt	66151
		24	BC. Phù Đổng Thiên Vương	66152
		25	BC. Phan Đình Phùng	66153
		26	BC. Phan Chu Trinh	66154
		27	BC. Quang Trung	66155
		28	BC. Thái Phiên	66156
		29	BC. Trần Phú	66157
		30	BC. Cầu Đất	66158
		31	BC. Trung tâm hành chính tỉnh	66198

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		32	BC. Hệ 1 Lâm Đồng	66199
	2		**HUYỆN LẠC DƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lạc Dương	66200
		2	Huyện ủy	66201
		3	Hội đồng nhân dân	66202
		4	Ủy ban nhân dân	66203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66204
		6	TT. Lạc Dương	66206
		7	X. Đạ Sar	66207
		8	X. Lát	66208
		9	X. Đưng KNớ	66209
		10	X. Đạ Nhim	66210
		11	X. Đạ Chais	66211
		12	BCP. Lạc Dương	66225
	3		**HUYỆN ĐAM RÔNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đam Rông	66250
		2	Huyện ủy	66251
		3	Hội đồng nhân dân	66252
		4	Ủy ban nhân dân	66253
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66254
		6	X. Rô Men	66256
		7	X. Đạ M' Rong	66257
		8	X. Đạ Rsal	66258
		9	X. Liêng Srônh	66259
		10	X. Phi Liêng	66260
		11	X. Đạ K' Nàng	66261
		12	X. Đạ Tông	66262
		13	X. Đạ Long	66263
		14	BCP. Đam Rông	66275
		15	BC. Đạ Rsal	66276
	4		**HUYỆN LÂM HÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lâm Hà	66300
		2	Huyện ủy	66301
		3	Hội đồng nhân dân	66302
		4	Ủy ban nhân dân	66303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66304
		6	TT. Đinh Văn	66306
		7	X. Nam Hà	66307
		8	X. Phi Tô	66308
		9	X. Đạ Đờn	66309
		10	X. Tân Văn	66310
		11	X. Tân Hà	66311
		12	X. Gia Lâm	66312
		13	TT. Nam Ban	66313
		14	X. Đông Thanh	66314

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		15	X. Mê Linh	66315
		16	X. Phú Sơn	66316
		17	X. Phúc Thọ	66317
		18	X. Tân Thanh	66318
		19	X. Hoài Đức	66319
		20	X. Liên Hà	66320
		21	X. Đan Phượng	66321
		22	BCP. Lâm Hà	66350
		23	BC. Tân Hà	66351
		24	BC. Nam Ban	66352
	5		**HUYỆN BẢO LÂM**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bảo Lâm	66400
		2	Huyện ủy	66401
		3	Hội đồng nhân dân	66402
		4	Ủy ban nhân dân	66403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66404
		6	TT. Lộc Thắng	66406
		7	X. Lộc Ngãi	66407
		8	X. Lộc Phú	66408
		9	X. Lộc Lâm	66409
		10	X. B' Lá	66410
		11	X. Lộc Quảng	66411
		12	X. Lộc An	66412
		13	X. Lộc Đức	66413
		14	X. Lộc Bảo	66414
		15	X. Lộc Bắc	66415
		16	X. Lộc Tân	66416
		17	X. Lộc Thành	66417
		18	X. Lộc Nam	66418
		19	X. Tân Lạc	66419
		20	BCP. Bảo Lâm	66425
		21	BC. Lộc An	66426
	6		**THÀNH PHỐ BẢO LỘC**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Bảo Lộc	66450
		2	Thành ủy	66451
		3	Hội đồng nhân dân	66452
		4	Ủy ban nhân dân	66453
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66454
		6	P. 1	66456
		7	P. Lộc Phát	66457
		8	P. 2	66458
		9	P. B'lao	66459
		10	P. Lộc Sơn	66460
		11	X. Lộc Nga	66461
		12	X. Lộc Thanh	66462

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		13	X. Đạm Bri	66463
		14	P. Lộc Tiến	66464
		15	X. Lộc Châu	66465
		16	X. Đại Lào	66466
		17	BCP. Bảo Lộc	66475
		18	BC. Hà Giang	66476
		19	BC. Lộc Phát	66477
		20	BC. Nguyễn Công Trứ	66478
		21	BC. KCN Lộc Sơn	66479
		22	BC. Lộc Nga	66480
		23	BC. Lộc Tiến	66481
		24	BC. Lôc Châu	66482
	7		**HUYỆN CÁT TIÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cát Tiên	66500
		2	Huyện ủy	66501
		3	Hội đồng nhân dân	66502
		4	Ủy ban nhân dân	66503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66504
		6	TT. Cát Tiên	66506
		7	X. Mỹ Lâm	66507
		8	X. Nam Ninh	66508
		9	X. Gia Viễn	66509
		10	X. Đức Phổ	66510
		11	X. Quảng Ngãi	66511
		12	X. Tư Nghĩa	66512
		13	X. Tiên Hoàng	66513
		14	X. Đồng Nai Thượng	66514
		15	X. Phước Cát 2	66515
		16	X. Phước Cát 1	66516
		17	BCP. Cát Tiên	66550
	8		**HUYỆN ĐẠ TẺH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đạ Tẻh	66600
		2	Huyện ủy	66601
		3	Hội đồng nhân dân	66602
		4	Ủy ban nhân dân	66603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66604
		6	TT. Đạ Tẻh	66606
		7	X. Đạ Kho	66607
		8	X. Hà Đông	66608
		9	X. Triệu Hải	66609
		10	X. Đạ Pal	66610
		11	X. Quảng Trị	66611
		12	X. Mỹ Đức	66612
		13	X. Quốc Oai	66613
		14	X. An Nhơn	66614

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		15	X. Hương Lâm	66615
		16	X. Đạ Lây	66616
		17	BCP. Đạ Tẻh	66625
	9		**HUYỆN ĐẠ HUOAI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đạ Huoai	66650
		2	Huyện ủy	66651
		3	Hội đồng nhân dân	66652
		4	Ủy ban nhân dân	66653
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66654
		6	TT. Ma Đa Guôi	66656
		7	X. Hà Lâm	66657
		8	X. Phước Lộc	66658
		9	X. Đạ Tồn	66659
		10	X. Đạ Oai	66660
		11	X. Ma Đa Guôi	66661
		12	X. Đoàn Kết	66662
		13	X. Đạ Ploa	66663
		14	TT. Đạ M'ri	66664
		15	X. Đạ M'ri	66665
		16	BCP. Đạ Huoai	66675
		17	BC. Đạm Ri	66676
	10		**HUYỆN DI LINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Di Linh	66700
		2	Huyện ủy	66701
		3	Hội đồng nhân dân	66702
		4	Ủy ban nhân dân	66703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66704
		6	TT. Di Linh	66706
		7	X. Tân Nghĩa	66707
		8	X. Tân Châu	66708
		9	X. Liên Đầm	66709
		10	X. Gung Ré	66710
		11	X. Bảo Thuận	66711
		12	X. Tam Bố	66712
		13	X. Gia Hiệp	66713
		14	X. Đinh Lạc	66714
		15	X. Tân Thượng	66715
		16	X. Đinh Trang Thượng	66716
		17	X. Tân Lâm	66717
		18	X. Đinh Trang Hòa	66718
		19	X. Hòa Trung	66719
		20	X. Hòa Ninh	66720
		21	X. Hòa Nam	66721
		22	X. Hòa Bắc	66722
		23	X. Sơn Điền	66723

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		24	X. Gia Bắc	66724
		25	BCP. Di Linh	66750
		26	BC. Hòa Ninh	66751
		27	BC. HCC Di Linh	66798
	11		**HUYỆN ĐỨC TRỌNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đức Trọng	66800
		2	Huyện ủy	66801
		3	Hội đồng nhân dân	66802
		4	Ủy ban nhân dân	66803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66804
		6	TT. Liên Nghĩa	66806
		7	X. Hiệp Thạnh	66807
		8	X. Liên Hiệp	66808
		9	X. N'Thol Hạ	66809
		10	X. Tân Hội	66810
		11	X. Tân Thành	66811
		12	X. Phú Hội	66812
		13	X. Hiệp An	66813
		14	X. Bình Thạnh	66814
		15	X. Ninh Gia	66815
		16	X. Tà Hine	66816
		17	X. Ninh Loan	66817
		18	X. Đà Loan	66818
		19	X. Tà Năng	66819
		20	X. Đa Quyn	66820
		21	BCP. Đức Trọng	66850
		22	BC. Finom	66851
		23	BC. Ninh Gia	66852
		24	BĐVHX R'chai	66853
		25	BĐVHX K'nai	66854
		26	BC. HCC Đức Trọng	66898
	12		**HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đơn Dương	66900
		2	Huyện ủy	66901
		3	Hội đồng nhân dân	66902
		4	Ủy ban nhân dân	66903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	66904
		6	TT. Thạnh Mỹ	66906
		7	X. Quảng Lập	66907
		8	X. Lạc Lâm	66908
		9	X. Đạ Ròn	66909
		10	X. Tu Tra	66910
		11	X. Ka Đơn	66911
		12	X. Pró	66912
		13	X. Ka Đô	66913

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		14	X. Lạc Xuân	66914
		15	TT. D'Ran	66915
		16	BCP. Đơn Dương	66950
		17	BC. Lạc Lâm	66951
		18	BC. Dran	66952

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37			**TỈNH LẠNG SƠN**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Lạng Sơn	25000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	25001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	25002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	25003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	25004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	25005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	25009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	25010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	25011
		10	Báo Lạng Sơn	25016
		11	Hội đồng nhân dân	25021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	25030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	25035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	25036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	25040
		16	Sở Công Thương	25041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	25042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	25043
		19	Sở Ngoại vụ	25044
		20	Sở Tài chính	25045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	25046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	25047
		23	Công an tỉnh	25049
		24	Sở Nội vụ	25051
		25	Sở Tư pháp	25052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	25053
		27	Sở Giao thông vận tải	25054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	25055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	25057
		31	Sở Xây dựng	25058
		32	Sở Y tế	25060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	25061
		34	Ban Dân tộc	25062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	25063
		36	Thanh tra tỉnh	25064
		37	Trường chính trị tỉnh	25065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	25066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	25067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	25070
		41	Cục Thuế	25078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Hải quan	25079
		43	Cục Thống kê	25080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	25081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	25085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	25086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	25087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	25088
		49	Hội Nông dân tỉnh	25089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	25090
		51	Tỉnh Đoàn	25091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	25092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	25093
	1		**THÀNH PHỐ LẠNG SƠN**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Lạng Sơn	25100
		2	Thành ủy	25101
		3	Hội đồng nhân dân	25102
		4	Ủy ban nhân dân	25103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25104
		6	P. Vĩnh Trại	25106
		7	P. Đông Kinh	25107
		8	P. Hoàng Văn Thụ	25108
		9	X. Hoàng Đồng	25109
		10	P. Tam Thanh	25110
		11	P. Chi Lăng	25111
		12	X. Quảng Lạc	25112
		13	X. Mai Pha	25113
		14	BCP. Lạng Sơn	25130
		15	BC. Kỳ Lừa	25131
		16	BC. Cửa Đông	25132
		17	BC. Hệ 1 Lạng Sơn	25149
	2		**HUYỆN CAO LỘC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cao Lộc	25150
		2	Huyện ủy	25151
		3	Hội đồng nhân dân	25152
		4	Ủy ban nhân dân	25153
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25154
		6	TT. Cao Lộc	25156
		7	X. Hợp Thành	25157
		8	X. Hòa Cư	25158
		9	X. Hải Yến	25159
		10	X. Cao Lâu	25160
		11	X. Lộc Yên	25161
		12	X. Thanh Loà	25162
		13	X. Bảo Lâm	25163

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		14	TT. Đồng Đăng	25164
		15	X. Thạch Đạn	25165
		16	X. Thụy Hùng	25166
		17	X. Phú Xá	25167
		18	X. Hồng Phong	25168
		19	X. Bình Trung	25169
		20	X. Song Giáp	25170
		21	X. Xuân Long	25171
		22	X. Tân Thành	25172
		23	X. Yên Trạch	25173
		24	X. Tân Liên	25174
		25	X. Gia Cát	25175
		26	X. Công Sơn	25176
		27	X. Mẫu Sơn	25177
		28	X. Xuất Lễ	25178
		29	BCP. Cao Lộc	25185
		30	BC. KCN Hợp Thành	25186
		31	BC. Cổng Trắng	25187
		32	BC. Hữu Nghị	25188
		33	BC. Gia Cát	25189
	3		**HUYỆN VĂN LÃNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Văn Lãng	25200
		2	Huyện ủy	25201
		3	Hội đồng nhân dân	25202
		4	Ủy ban nhân dân	25203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25204
		6	TT. Na Sầm	25206
		7	X. An Hùng	25207
		8	X. Thanh Long	25208
		9	X. Thụy Hùng	25209
		10	X. Trùng Khánh	25210
		11	X. Tân Việt	25211
		12	X. Trùng Quán	25212
		13	X. Bắc La	25213
		14	X. Hội Hoan	25214
		15	X. Nam La	25215
		16	X. Gia Miễn	25216
		17	X. Tân Tác	25217
		18	X. Tân Lang	25218
		19	X. Thành Hòa	25219
		20	X. Hoàng Việt	25220
		21	X. Hồng Thái	25221
		22	X. Nhạc Kỳ	25222
		23	X. Hoàng Văn Thụ	25223

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		24	X. Tân Mỹ	25224
		25	X. Tân Thanh	25225
		26	BCP. Văn Lãng	25250
		27	BC. Tân Thanh	25251
	4		**HUYỆN TRÀNG ĐỊNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tràng Định	25300
		2	Huyện ủy	25301
		3	Hội đồng nhân dân	25302
		4	Ủy ban nhân dân	25303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25304
		6	TT. Thất Khê	25306
		7	X. Đại Đồng	25307
		8	X. Đội Cấn	25308
		9	X. Quốc Khánh	25309
		10	X. Tri Phương	25310
		11	X. Chí Minh	25311
		12	X. Vĩnh Tiến	25312
		13	X. Khánh Long	25313
		14	X. Đoàn Kết	25314
		15	X. Cao Minh	25315
		16	X. Tân Yên	25316
		17	X. Tân Tiến	25317
		18	X. Kim Đồng	25318
		19	X. Chi Lăng	25319
		20	X. Đề Thám	25320
		21	X. Bắc Ái	25321
		22	X. Hùng Sơn	25322
		23	X. Kháng Chiến	25323
		24	X. Hùng Việt	25324
		25	X. Quốc Việt	25325
		26	X. Đào Viên	25326
		27	X. Trung Thành	25327
		28	X. Tân Minh	25328
		29	BCP. Tràng Định	25350
		30	BC. Quốc Khánh	25351
		31	BC. Bình Độ	25352
	5		**HUYỆN BÌNH GIA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bình Gia	25400
		2	Huyện ủy	25401
		3	Hội đồng nhân dân	25402
		4	Ủy ban nhân dân	25403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25404
		6	TT. Bình Gia	25406
		7	X. Tô Hiệu	25407

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		8	X. Minh Khai	25408
		9	X. Hồng Phong	25409
		10	X. Hoa Thám	25410
		11	X. Hưng Đạo	25411
		12	X. Vĩnh Yên	25412
		13	X. Quý Hòa	25413
		14	X. Yên Lỗ	25414
		15	X. Quang Trung	25415
		16	X. Thiện Thuật	25416
		17	X. Thiện Hòa	25417
		18	X. Thiện Long	25418
		19	X. Tân Hòa	25419
		20	X. Hòa Bình	25420
		21	X. Mông Ân	25421
		22	X. Hoàng Văn Thụ	25422
		23	X. Tân Văn	25423
		24	X. Hồng Thái	25424
		25	X. Bình La	25425
		26	BCP. Bình Gia	25430
		27	BC. Bình Gia Phố	25431
		28	BC. Văn Mịch	25432
		29	BC. Pác Khuông	25433
	6		**HUYỆN BẮC SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bắc Sơn	25450
		2	Huyện ủy	25451
		3	Hội đồng nhân dân	25452
		4	Ủy ban nhân dân	25453
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25454
		6	TT. Bắc Sơn	25456
		7	X. Quỳnh Sơn	25457
		8	X. Long Đống	25458
		9	X. Vạn Thủy	25459
		10	X. Đồng Ý	25460
		11	X. Tân Lập	25461
		12	X. Vũ Sơn	25462
		13	X. Tân Tri	25463
		14	X. Chiến Thắng	25464
		15	X. Vũ Lễ	25465
		16	X. Tân Thành	25466
		17	X. Nhất Tiến	25467
		18	X. Nhất Hòa	25468
		19	X. Tân Hương	25469
		20	X. Vũ Lăng	25470
		21	X. Chiêu Vũ	25471

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		22	X. Hữu Vĩnh	25472
		23	X. Bắc Sơn	25473
		24	X. Hưng Vũ	25474
		25	X. Trấn Yên	25475
		26	BCP. Bắc Sơn	25485
		27	BC. Ngả Hai	25486
		28	BC. Mỏ Nhài	25487
	7		**HUYỆN VĂN QUAN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Văn Quan	25500
		2	Huyện ủy	25501
		3	Hội đồng nhân dân	25502
		4	Ủy ban nhân dân	25503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25504
		6	TT. Văn Quan	25506
		7	X. Vĩnh Lại	25507
		8	X. Song Giang	25508
		9	X. Trấn Ninh	25509
		10	X. Phú Mỹ	25510
		11	X. Việt Yên	25511
		12	X. Vân Mộng	25512
		13	X. Hòa Bình	25513
		14	X. Tú Xuyên	25514
		15	X. Lương Năng	25515
		16	X. Tri Lễ	25516
		16	X. Hữu Lễ	25517
		18	X. Yên Phúc	25518
		19	X. Bình Phúc	25519
		20	X. Xuân Mai	25520
		21	X. Tràng Sơn	25521
		22	X. Tràng Phái	25522
		23	X. Tân Đoàn	25523
		24	X. Tràng Các	25524
		25	X. Đồng Giáp	25525
		26	X. Khánh Khê	25526
		27	X. Chu Túc	25527
		28	X. Đại An	25528
		29	X. Văn An	25529
		30	BCP. Văn Quan	25550
		31	BC. Chợ Bãi	25551
		32	BC. Văn An	25552
	8		**HUYỆN HỮU LŨNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hữu Lũng	25600
		2	Huyện ủy	25601
		3	Hội đồng nhân dân	25602

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		4	Ủy ban nhân dân	25603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25604
		6	TT. Hữu Lũng	25606
		7	X. Đồng Tân	25607
		8	X. Cai Kinh	25608
		9	X. Yên Sơn	25609
		10	X. Hữu Liên	25610
		11	X. Yên Thịnh	25611
		12	X. Hòa Bình	25612
		13	X. Yên Bình	25613
		14	X. Quyết Thắng	25614
		15	X. Thiện Kỵ	25615
		16	X. Tân Lập	25616
		17	X. Thanh Sơn	25617
		18	X. Đồng Tiến	25618
		19	X. Vân Nham	25619
		20	X. Đô Lương	25620
		21	X. Minh Tiến	25621
		22	X. Yên Vượng	25622
		23	X. Nhật Tiến	25623
		24	X. Minh Sơn	25624
		25	X. Sơn Hà	25625
		26	X. Minh Hòa	25626
		27	X. Hồ Sơn	25627
		28	X. Hòa Thắng	25628
		29	X. Tân Thành	25629
		30	X. Hòa Sơn	25630
		31	X. Hòa Lạc	25631
		32	BCP. Hữu Lũng	25650
		33	BC. Vân Nham	25651
		34	BC. Bến Lường	25652
	9		**HUYỆN CHI LĂNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Chi Lăng	25700
		2	Huyện ủy	25701
		3	Hội đồng nhân dân	25702
		4	Ủy ban nhân dân	25703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25704
		6	TT. Đồng Mỏ	25706
		7	X. Mai Sao	25707
		8	X. Thượng Cường	25708
		9	X. Gia Lộc	25709
		10	X. Bằng Hữu	25710
		11	X. Bằng Mạc	25711
		12	X. Vạn Linh	25712

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		13	X. Y Tịch	25713
		14	TT. Chi Lăng	25714
		15	X. Chi Lăng	25715
		16	X. Hòa Bình	25716
		17	X. Quang Lang	25717
		18	X. Quan Sơn	25718
		19	X. Nhân Lý	25719
		20	X. Lâm Sơn	25720
		21	X. Hữu Kiên	25721
		22	X. Liên Sơn	25722
		23	X. Bắc Thủy	25723
		24	X. Vân Thủy	25724
		25	X. Chiến Thắng	25725
		26	X. Vân An	25726
		27	BCP. Chi Lăng	25750
		28	BC. Đồng Bành	25751
		29	BC. Sông Hóa	25752
	10		**HUYỆN LỘC BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lộc Bình	25800
		2	Huyện ủy	25801
		3	Hội đồng nhân dân	25802
		4	Ủy ban nhân dân	25803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25804
		6	TT. Lộc Bình	25806
		7	X. Hữu Khánh	25807
		8	X. Yên Khoái	25808
		9	X. Mẫu Sơn	25809
		10	X. Xuân Lễ	25810
		11	X. Bằng Khánh	25811
		12	X. Xuân Mãn	25812
		13	X. Đồng Bục	25813
		14	X. Lục Thôn	25814
		15	X. Như Khuê	25815
		16	X. Vân Mộng	25816
		17	X. Xuân Tình	25817
		18	X. Hiệp Hạ	25818
		19	X. Minh Phát	25819
		20	X. Hữu Lân	25820
		21	X. Xuân Dương	25821
		22	X. Ái Quốc	25822
		23	X. Nam Quan	25823
		24	X. Đông Quan	25824
		25	X. Nhượng Bạn	25825
		26	X. Quan Bản	25826

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		27	TT. Na Dương	25827
		28	X. Lợi Bác	25828
		29	X. Sàn Viên	25829
		30	X. Tú Đoạn	25830
		31	X. Khuất Xá	25831
		32	X. Tĩnh Bắc	25832
		33	X. Tam Gia	25833
		34	X. Tú Mịch	25834
		35	BCP. Lộc Bình	25850
		36	BC. Na Dương	25851
	11		**HUYỆN ĐÌNH LẬP**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đình Lập	25900
		2	Huyện ủy	25901
		3	Hội đồng nhân dân	25902
		4	Ủy ban nhân dân	25903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	25904
		6	TT. Đình Lập	25906
		7	X. Kiên Mộc	25907
		8	X. Bắc Xa	25908
		9	X. Bính Xá	25909
		10	X. Đình Lập	25910
		11	X. Thái Bình	25911
		12	TT. Nông Trường Thái Bình	25912
		13	X. Cường Lợi	25913
		14	X. Lâm Ca	25914
		15	X. Đồng Thắng	25915
		16	X. Bắc Lãng	25916
		17	X. Châu Sơn	25917
		18	BCP. Đình Lập	25950
		19	BC. Lâm Thái	25951

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
38			**TỈNH LÀO CAI**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Lào Cai	31000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	31001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	31002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	31003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	31004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	31005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	31009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	31010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	31011
		10	Báo Lào Cai	31016
		11	Hội đồng nhân dân	31021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	31030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	31035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	31036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	31040
		16	Sở Công Thương	31041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	31042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	31043
		19	Sở Ngoại vụ	31044
		20	Sở Tài chính	31045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	31046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	31047
		23	Công an tỉnh	31049
		24	Sở Nội vụ	31051
		25	Sở Tư pháp	31052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	31053
		27	Sở Giao thông vận tải	31054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	31055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	31057
		31	Sở Xây dựng	31058
		32	Sở Y tế	31060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	31061
		34	Ban Dân tộc	31062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	31063
		36	Thanh tra tỉnh	31064
		37	Trường chính trị tỉnh	31065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	31066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	31067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	31070
		41	Cục Thuế	31078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Hải quan	31079
		43	Cục Thống kê	31080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	31081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	31085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	31086
		47	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	31087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	31088
		49	Hội Nông dân tỉnh	31089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	31090
		51	Tỉnh Đoàn	31091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	31092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	31093
	1		**THÀNH PHỐ LÀO CAI**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Lào Cai	31100
		2	Thành ủy	31101
		3	Hội đồng nhân dân	31102
		4	Ủy ban nhân dân	31103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31104
		6	P. Kim Tân	31106
		7	X. Vạn Hoà	31107
		8	P. Phố Mới	31108
		9	P. Lào Cai	31109
		10	P. Duyên Hải	31110
		11	P. Cốc Lếu	31111
		12	X. Đồng Tuyển	31112
		13	P. Bắc Cường	31113
		14	X. Tả Phời	31114
		15	X. Hợp Thành	31115
		16	X. Cam Đường	31116
		17	P. Thống Nhất	31117
		18	P. Xuân Tăng	31118
		19	P. Bình Minh	31119
		20	P. Pom Hán	31120
		21	P. Bắc Lệnh	31121
		22	P. Nam Cường	31122
		23	BCP. Lào Cai	31150
		24	BCP. Cam Đường	31151
		25	BC. KHL Lào Cai	31152
		26	BC. Kim Tân	31153
		27	BC. Hoàng Liên	31154
		28	BC. Cửa Khẩu	31155
		29	BC. Duyên Hải	31156
		30	BC. Cốc Lếu	31157
		31	BC. Bình Minh	31158

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		32	BC. Pom Hán	31159
		33	BC. Trần Hưng Đạo	31160
		34	BC. HCC Lào Cai	31198
		35	BC. Hệ 1 Lào Cai	31199
	2		**HUYỆN BẢO THẮNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bảo Thắng	31200
		2	Huyện ủy	31201
		3	Hội đồng nhân dân	31202
		4	Ủy ban nhân dân	31203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31204
		6	TT. Phố Lu	31206
		7	X. Xuân Quang	31207
		8	X. Phong Niên	31208
		9	TT. Nông Trường Phong Hải	31209
		10	X. Bản Cầm	31210
		11	X. Bản Phiệt	31211
		12	X. Thái Niên	31212
		13	X. Gia Phú	31213
		14	X. Sơn Hải	31214
		15	X. Xuân Giao	31215
		16	TT. Tằng Loỏng	31216
		17	X. Phú Nhuận	31217
		18	X. Sơn Hà	31218
		19	X. Phố Lu	31219
		20	X. Trì Quang	31220
		21	BCP. Bảo Thắng	31250
		22	BC. Xuân Quang	31251
		23	BC. Gia Phú	31252
		24	BC. Tằng Loỏng	31253
	3		**HUYỆN BẮC HÀ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bắc Hà	31300
		2	Huyện ủy	31301
		3	Hội đồng nhân dân	31302
		4	Ủy ban Nhân dân	31303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31304
		6	TT. Bắc Hà	31306
		7	X. Tà Chải	31307
		8	X. Thải Giàng Phố	31308
		9	X. Tả Củ Tỷ	31309
		10	X. Bản Già	31310
		11	X. Lùng Cải	31311
		12	X. Lùng Phình	31312
		13	X. Lầu Thí Ngài	31313
		14	X. Tả Van Chư	31314

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		15	X. Hoàng Thu Phố	31315
		16	X. Bản Phố	31316
		17	X. Na Hối	31317
		18	X. Cốc Ly	31318
		19	X. Nậm Mòn	31319
		20	X. Nậm Đét	31320
		21	X. Bảo Nhai	31321
		22	X. Cốc Lầu	31322
		23	X. Nậm Lúc	31323
		24	X. Bản Cái	31324
		25	X. Nậm Khánh	31325
		26	X. Bản Liền	31326
		27	BCP. Bắc Hà	31350
		28	BC. Bảo Nhai	31351
	4		**HUYỆN SI MA CAI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Si Ma Cai	31400
		2	Huyện ủy	31401
		3	Hội đồng nhân dân	31402
		4	Ủy ban nhân dân	31403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31404
		6	X. Si Ma Cai	31406
		7	X. Nàn Sán	31407
		8	X. Bản Mế	31408
		9	X. Thào Chư Phìn	31409
		10	X. Sín Chéng	31410
		11	X. Mản Thẩn	31411
		12	X. Cán Hồ	31412
		13	X. Nàn Xín	31413
		14	X. Quan Thần Sán	31414
		15	X. Cán Cấu	31415
		16	X. Lử Thẩn	31416
		17	X. Lùng Sui	31417
		18	X. Sán Chải	31418
		19	BCP. Si Ma Cai	31450
	5		**HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mường Khương	31500
		2	Huyện ủy	31501
		3	Hội đồng nhân dân	31502
		4	Ủy ban nhân dân	31503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31504
		6	TT. Mường Khương	31506
		7	X. Tung Chung Phố	31507
		8	X. Tả Ngải Chồ	31508
		9	X. Pha Long	31509

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		10	X. Nậm Chảy	31510
		11	X. Thanh Bình	31511
		12	X. Lùng Vai	31512
		13	X. Bản Lầu	31513
		14	X. Bản Sen	31514
		15	X. La Pan Tẩn	31515
		16	X. Tả Thàng	31516
		17	X. Cao Sơn	31517
		18	X. Lùng Khấu Nhin	31518
		19	X. Nấm Lư	31519
		20	X. Dìn Chin	31520
		21	X. Tả Gia Khâu	31521
		22	BCP. Mường Khương	31550
		23	BC. Bản Lầu	31551
	6		**HUYỆN BÁT XÁT**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bát Xát	31600
		2	Huyện ủy	31601
		3	Hội đồng nhân dân	31602
		4	Ủy ban nhân dân	31603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31604
		6	TT. Bát Xát	31606
		7	X. Bản Qua	31607
		8	X. Bản Vược	31608
		9	X. Cốc Mỳ	31609
		10	X. Trịnh Tường	31610
		11	X. Nậm Chạc	31611
		12	X. A Mú Sung	31612
		13	X. A Lù	31613
		14	X. Ngải Thầu	31614
		15	X. Y Tý	31615
		16	X. Dền Sáng	31616
		17	X. Sàng Ma Sáo	31617
		18	X. Dền Thàng	31618
		19	X. Mường Hum	31619
		20	X. Trung Lèng Hồ	31620
		21	X. Nậm Pung	31621
		22	X. Bản Xèo	31622
		23	X. Mường Vi	31623
		24	X. Pa Cheo	31624
		25	X. Quang Kim	31625
		26	X. Phìn Ngan	31626
		27	X. Tòng Sành	31627
		28	X. Cốc San	31628
		29	BCP. Bát Xát	31650

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	7		**HUYỆN SA PA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sa Pa	31700
		2	Huyện ủy	31701
		3	Hội đồng nhân dân	31702
		4	Ủy ban nhân dân	31703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31704
		6	TT. Sa Pa	31706
		7	X. Sa Pả	31707
		8	X. Trung Chải	31708
		9	X. Tả Phìn	31709
		10	X. Bản Khoang	31710
		11	X. Tả Giàng Phình	31711
		12	X. San Sả Hồ	31712
		13	X. Lao Chải	31713
		14	X. Tả Van	31714
		15	X. Bản Hồ	31715
		16	X. Nậm Sài	31716
		17	X. Nậm Cang	31717
		18	X. Suối Thầu	31718
		19	X. Thanh Phú	31719
		20	X. Bản Phùng	31720
		21	X. Thanh Kim	31721
		22	X. Sử Pán	31722
		23	X. Hầu Thào	31723
		24	BCP. Sa Pa	31750
		25	BC. KHL Sa Pa	31751
		26	BC. Cầu Mây	31752
		27	BC. Hàm Rồng	31753
	8		**HUYỆN VĂN BÀN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Văn Bàn	31800
		2	Huyện ủy	31801
		3	Hội đồng nhân dân	31802
		4	Ủy ban nhân dân	31803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31804
		6	TT. Khánh Yên	31806
		7	X. Khánh Yên Thượng	31807
		8	X. Sơn Thuỷ	31808
		9	X. Tân Thượng	31809
		10	X. Võ Lao	31810
		11	X. Văn Sơn	31811
		12	X. Nậm Mả	31812
		13	X. Nậm Rạng	31813
		14	X. Dần Thàng	31814
		15	X. Nậm Chầy	31815

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		16	X. Nậm Xé	31816
		17	X. Minh Lương	31817
		18	X. Hoà Mạc	31818
		19	X. Làng Giàng	31819
		20	X. Dương Quỳ	31820
		21	X. Thẩm Dương	31821
		22	X. Nậm Xây	31822
		23	X. Khánh Yên Trung	31823
		24	X. Khánh Yên Hạ	31824
		25	X. Liêm Phú	31825
		26	X. Nậm Tha	31826
		27	X. Chiềng Ken	31827
		28	X. Tân An	31828
		29	BCP. Văn Bàn	31850
		30	BC. Võ Lao	31851
		31	BC. Tân An	31852
	9		**HUYỆN BẢO YÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bảo Yên	31900
		2	Huyện ủy	31901
		3	Hội đồng nhân dân	31902
		4	Ủy ban nhân dân	31903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31904
		6	TT. Phố Ràng	31906
		7	X. Xuân Thượng	31907
		8	X. Xuân Hoà	31908
		9	X. Vĩnh Yên	31909
		10	X. Nghĩa Đô	31910
		11	X. Tân Tiến	31911
		12	X. Điện Quan	31912
		13	X. Thượng Hà	31913
		14	X. Tân Dương	31914
		15	X. Minh Tân	31915
		16	X. Kim Sơn	31916
		17	X. Cam Cọn	31917
		18	X. Bảo Hà	31918
		19	X. Yên Sơn	31919
		20	X. Lương Sơn	31920
		21	X. Long Khánh	31921
		22	X. Long Phúc	31922
		23	X. Việt Tiến	31923
		24	BCP. Bảo Yên	31950

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
39			**TỈNH LONG AN**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Long An	82000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	82001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	82002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	82003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	82004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	82005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	82009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	82010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	82011
		10	Báo Long An	82016
		11	Hội đồng nhân dân	82021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	82030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	82035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	82036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	82040
		16	Sở Công Thương	82041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	82042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	82043
		19	Sở Ngoại vụ	82044
		20	Sở Tài chính	82045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	82046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	82047
		23	Công an tỉnh	82049
		24	Sở Nội vụ	82051
		25	Sở Tư pháp	82052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	82053
		27	Sở Giao thông vận tải	82054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	82055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	82056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	82057
		31	Sở Xây dựng	82058
		32	Sở Y tế	82060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	82061
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	82063
		35	Thanh tra tỉnh	82064
		36	Trường chính trị tỉnh	82065
		37	Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam	82066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	82067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	82070
		40	Cục Thuế	82078
		41	Cục Hải quan	82079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thống kê	82080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	82081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	82085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	82086
		46	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	82087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	82088
		48	Hội Nông dân tỉnh	82089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	82090
		50	Tỉnh Đoàn	82091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	82092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	82093
	1		**THÀNH PHỐ TÂN AN**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Tân An	82100
		2	Thành ủy	82101
		3	Hội đồng nhân dân	82102
		4	Ủy ban nhân dân	82103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82104
		6	P. 1	82106
		7	P. 5	82107
		8	X. Nhơn Thạnh Trung	82108
		9	X. Hướng Thọ Phú	82109
		10	P. 6	82110
		11	P. 2	82111
		12	X. Lợi Bình Nhơn	82112
		13	P. Khánh Hậu	82113
		14	P. 4	82114
		15	P. Tân Khánh	82115
		16	X. An Vĩnh Ngãi	82116
		17	P. 7	82117
		18	P. 3	82118
		19	X. Bình Tâm	82119
		20	BCP. Tân An	82150
		21	BC. Chợ Tân An	82151
		22	BC. Hệ 1 Long An	82199
	2		**HUYỆN CHÂU THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Châu Thành	82200
		2	Huyện ủy	82201
		3	Hội đồng nhân dân	82202
		4	Ủy ban nhân dân	82203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82204
		6	TT. Tầm Vu	82206
		7	X. Phước Tân Hưng	82207
		8	X. Thanh Phú Long	82208
		9	X. Thanh Vĩnh Đông	82209

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		10	X. Thuận Mỹ	82210
		11	X. Phú Ngãi Trị	82211
		12	X. Bình Quới	82212
		13	X. Hòa Phú	82213
		14	X. Vĩnh Công	82214
		15	X. Hiệp Thạnh	82215
		16	X. Dương Xuân Hội	82216
		17	X. Long Trì	82217
		18	X. An Lục Long	82218
		19	BCP. Châu Thành	82250
	3		**HUYỆN TÂN TRỤ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Trụ	82300
		2	Huyện ủy	82301
		3	Hội đồng nhân dân	82302
		4	Ủy ban nhân dân	82303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82304
		6	TT. Tân Trụ	82306
		7	X. Tân Phước Tây	82307
		8	X. Bình Trinh Đông	82308
		9	X. An Nhựt Tân	82309
		10	X. Mỹ Bình	82310
		11	X. Quê Mỹ Thạnh	82311
		12	X. Lạc Tấn	82312
		13	X. Bình Lãng	82313
		14	X. Bình Tịnh	82314
		15	X. Đức Tân	82315
		16	X. Nhựt Ninh	82316
		17	BCP. Tân Trụ	82350
	4		**HUYỆN CẦN ĐƯỚC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cần Đước	82400
		2	Huyện ủy	82401
		3	Hội đồng nhân dân	82402
		4	Ủy ban nhân dân	82403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82404
		6	TT. Cần Đước	82406
		7	X. Tân Lân	82407
		8	X. Mỹ Lệ	82408
		9	X. Tân Trạch	82409
		10	X. Long Hòa	82410
		11	X. Long Khê	82411
		12	X. Long Trạch	82412
		13	X. Phước Vân	82413
		14	X. Long Định	82414
		15	X. Long Sơn	82415

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		16	X. Phước Tuy	82416
		17	X. Tân Ân	82417
		18	X. Tân Chánh	82418
		19	X. Phước Đông	82419
		20	X. Long Cang	82420
		21	X. Long Hựu Đông	82421
		22	X. Long Hựu Tây	82422
		23	BCP. Cần Đước	82450
		24	BC. Rạch Kiến	82451
		25	BĐVHX Mỹ Lệ 2	82452
		26	BĐVHX Phước Vân 1	82453
		27	BĐVHX Long Hựu Đông 1	82454
	5		**HUYỆN CẦN GIUỘC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cần Giuộc	82500
		2	Huyện ủy	82501
		3	Hội đồng nhân dân	82502
		4	Ủy ban nhân dân	82503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82504
		6	TT. Cần Giuộc	82506
		7	X. Long Hậu	82507
		8	X. Tân Kim	82508
		9	X. Mỹ Lộc	82509
		10	X. Long Thượng	82510
		11	X. Phước Lý	82511
		12	X. Phước Hậu	82512
		13	X. Phước Lâm	82513
		14	X. Thuận Thành	82514
		15	X. Trường Bình	82515
		16	X. Phước Lại	82516
		17	X. Phước Vĩnh Đông	82517
		18	X. Phước Vĩnh Tây	82518
		19	X. Long An	82519
		20	X. Long Phụng	82520
		21	X. Đông Thạnh	82521
		22	X. Tân Tập	82522
		23	BCP. Cần Giuộc	82550
	6		**HUYỆN BẾN LỨC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bến Lức	82600
		2	Huyện ủy	82601
		3	Hội đồng nhân dân	82602
		4	Ủy ban nhân dân	82603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82604
		6	TT. Bến Lức	82606
		7	X. Mỹ Yên	82607

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		8	X. Thanh Phú	82608
		9	X. Tân Bửu	82609
		10	X. Tân Hòa	82610
		11	X. Lương Bình	82611
		12	X. Thạnh Lợi	82612
		13	X. Thạnh Hòa	82613
		14	X. Lương Hòa	82614
		15	X. Bình Đức	82615
		16	X. An Thạnh	82616
		17	X. Thạnh Đức	82617
		18	X. Nhựt Chánh	82618
		19	X. Long Hiệp	82619
		20	X. Phước Lợi	82620
		21	BCP. Bến Lức	82650
		22	BC. Thuận Đạo	82651
		23	BC. Gò Đen	82652
	7		**HUYỆN ĐỨC HÒA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đức Hòa	82700
		2	Huyện ủy	82701
		3	Hội đồng nhân dân	82702
		4	Ủy ban nhân dân	82703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82704
		6	TT. Hậu Nghĩa	82706
		7	X. Đức Lập Thượng	82707
		8	X. Đức Lập Hạ	82708
		9	X. Tân Mỹ	82709
		10	X. An Ninh Đông	82710
		11	X. Lộc Giang	82711
		12	X. An Ninh Tây	82712
		13	X. Hiệp Hòa	82713
		14	TT. Hiệp Hòa	82714
		15	X. Tân Phú	82715
		16	X. Hòa Khánh Tây	82716
		17	X. Hòa Khánh Đông	82717
		18	X. Đức Hòa Thượng	82718
		19	X. Mỹ Hạnh Bắc	82719
		20	X. Mỹ Hạnh Nam	82720
		21	X. Đức Hòa Đông	82721
		22	TT. Đức Hòa	82722
		23	X. Hòa Khánh Nam	82723
		24	X. Đức Hòa Hạ	82724
		25	X. Hựu Thạnh	82725
		26	BCP. Đức Hòa	82750
		27	BC. Hậu Nghĩa	82751

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		28	BC. Mỹ Hạnh Nam	82752
		29	BC. Hạnh Phúc	82753
	8		**HUYỆN ĐỨC HUỆ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đức Huệ	82800
		2	Huyện ủy	82801
		3	Hội đồng nhân dân	82802
		4	Ủy ban nhân dân	82803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82804
		6	TT. Đông Thành	82806
		7	X. Mỹ Thạnh Bắc	82807
		8	X. Mỹ Quý Đông	82808
		9	X. Mỹ Quý Tây	82809
		10	X. Mỹ Thạnh Tây	82810
		11	X. Mỹ Bình	82811
		12	X. Mỹ Thạnh Đông	82812
		13	X. Bình Hòa Bắc	82813
		14	X. Bình Thành	82814
		15	X. Bình Hòa Hưng	82815
		16	X. Bình Hòa Nam	82816
		17	BCP. Đức Huệ	82850
		18	BĐVHX Mỹ Quý Tây	82851
		19	BĐVHX Bình Thành	82852
	9		**HUYỆN THẠCH HÓA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thạch Hóa	82900
		2	Huyện ủy	82901
		3	Hội đồng nhân dân	82902
		4	Ủy ban nhân dân	82903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	82904
		6	TT. Thạnh Hóa	82906
		7	X. Thạnh Phú	82907
		8	X. Thuận Nghĩa Hòa	82908
		9	X. Thuận Bình	82909
		10	X. Tân Hiệp	82910
		11	X. Thạnh Phước	82911
		12	X. Thủy Tây	82912
		13	X. Thạnh An	82913
		14	X. Thủy Đông	82914
		15	X. Tân Tây	82915
		16	X. Tân Đông	82916
		17	BCP. Thạnh Hóa	82950
	10		**THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Kiến Tường	83000
		2	Thị ủy	83001
		3	Hội đồng nhân dân	83002

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		4	Ủy ban nhân dân	83003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	83004
		6	P. 1	83006
		7	P. 2	83007
		8	P. 3	83008
		9	X. Bình Hiệp	83009
		10	X. Bình Tân	83010
		11	X. Thạnh Trị	83011
		12	X. Tuyên Thạnh	83012
		13	X. Thạnh Hưng	83013
		14	BCP. Kiến Tường	83050
	11		**HUYỆN MỘC HÓA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mộc Hóa	83100
		2	Huyện ủy	83101
		3	Hội đồng nhân dân	83102
		4	Ủy ban nhân dân	83103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	83104
		6	X. Tân Thành	83106
		7	X. Bình Hòa Đông	83107
		8	X. Bình Thạnh	83108
		9	X. Bình Hòa Tây	83109
		10	X. Bình Hòa Trung	83110
		11	X. Tân Lập	83111
		12	X. Bình Phong Thạnh	83112
		13	BCP. Mộc Hóa	83150
		14	BĐVHX Tân Lập 2	83151
	12		**HUYỆN VĨNH HƯNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vĩnh Hưng	83200
		2	Huyện ủy	83201
		3	Hội đồng nhân dân	83202
		4	Ủy ban nhân dân	83203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	83204
		6	TT. Vĩnh Hưng	83206
		7	X. Thái Bình Trung	83207
		8	X. Thái Trị	83208
		9	X. Hưng Điền A	83209
		10	X. Khánh Hưng	83210
		11	X. Vĩnh Trị	83211
		12	X. Vĩnh Bình	83212
		13	X. Vĩnh Thuận	83213
		14	X. Tuyên Bình Tây	83214
		15	X. Tuyên Bình	83215
		16	BCP. Vĩnh Hưng	83250
		17	BĐVHX Hưng Điền 2	83251

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		18	BĐVHX Vĩnh Bình 2	83252
	13		**HUYỆN TÂN HƯNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Hưng	83300
		2	Huyện ủy	83301
		3	Hội đồng nhân dân	83302
		4	Ủy ban nhân dân	83303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	83304
		6	TT. Tân Hưng	83306
		7	X. Vĩnh Thạnh	83307
		8	X. Thạnh Hưng	83308
		9	X. Hưng Hà	83309
		10	X. Hưng Điền B	83310
		11	X. Hưng Điền	83311
		12	X. Hưng Thạnh	83312
		13	X. Vĩnh Châu B	83313
		14	X. Vĩnh Lợi	83314
		15	X. Vĩnh Châu A	83315
		16	X. Vĩnh Đại	83316
		17	X. Vĩnh Bửu	83317
		18	BCP. Tân Hưng	83350
	14		**HUYỆN TÂN THẠNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Thạnh	83400
		2	Huyện ủy	83401
		3	Hội đồng nhân dân	83402
		4	Ủy ban nhân dân	83403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	83404
		6	TT. Tân Thạnh	83406
		7	X. Kiến Bình	83407
		8	X. Nhơn Hoà	83408
		9	X. Tân Lập	83409
		10	X. Nhơn Hòa Lập	83410
		11	X. Bắc Hòa	83411
		12	X. Hậu Thạnh Tây	83412
		13	X. Hậu Thạnh Đông	83413
		14	X. Tân Thành	83414
		15	X. Tân Ninh	83415
		16	X. Nhơn Ninh	83416
		17	X. Tân Hòa	83417
		18	X. Tân Bình	83418
		19	BCP. Tân Thạnh	83450
	15		**HUYỆN THỦ THỪA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thủ Thừa	83500
		2	Huyện ủy	83501
		3	Hội đồng nhân dân	83502

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		4	Ủy ban nhân dân	83503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	83504
		6	TT. Thủ Thừa	83506
		7	X. Tân Thành	83507
		8	X. Tân Lập	83508
		9	X. Long Thành	83509
		10	X. Long Thạnh	83510
		11	X. Long Thuận	83511
		12	X. Mỹ Lạc	83512
		13	X. Mỹ Thạnh	83513
		14	X. Mỹ An	83514
		15	X. Bình An	83515
		16	X. Mỹ Phú	83516
		17	X. Bình Thạnh	83517
		18	X. Nhị Thành	83518
		19	BCP. Thủ Thừa	83550

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
40			**TỈNH NAM ĐỊNH**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Nam Định	07000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	07001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	07002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	07003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	07004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	07005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	07009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	07010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	07011
		10	Báo Nam Định	07016
		11	Hội đồng nhân dân	07021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	07030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	07035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	07036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	07040
		16	Sở Công Thương	07041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	07042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	07043
		19	Sở Tài chính	07045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	07046
		21	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	07047
		22	Công an tỉnh	07049
		23	Sở Nội vụ	07051
		24	Sở Tư pháp	07052
		25	Sở Giáo dục và Đào tạo	07053
		26	Sở Giao thông vận tải	07054
		27	Sở Khoa học và Công nghệ	07055
		28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	07056
		29	Sở Tài nguyên và Môi trường	07057
		30	Sở Xây dựng	07058
		31	Sở Y tế	07060
		32	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	07061
		33	Ban Dân tộc	07062
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	07063
		35	Thanh tra tỉnh	07064
		36	Trường chính trị tỉnh	07065
		37	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	07066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	07067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	07070
		40	Cục Thuế	07078
		41	Cục Hải quan	07079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Cục Thống kê	07080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	07081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	07085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	07086
		46	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	07087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	07088
		48	Hội Nông dân tỉnh	07089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	07090
		50	Tỉnh Đoàn	07091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	07092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	07093
	1		**THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Nam Định	07100
		2	Thành ủy	07101
		3	Hội đồng nhân dân	07102
		4	Ủy ban nhân dân	07103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07104
		6	P. Bà Triệu	07106
		7	P. Quang Trung	07107
		8	P. Nguyễn Du	07108
		9	P. Vị Hoàng	07109
		10	P. Vị Xuyên	07110
		11	P. Trần Tế Xương	07111
		12	P. Hạ Long	07112
		13	P. Lộc Hạ	07113
		14	P. Thống Nhất	07114
		15	P. Lộc Vượng	07115
		16	P. Cửa Bắc	07116
		17	X. Lộc Hoà	07117
		18	X. Mỹ Xá	07118
		19	P. Trường Thi	07119
		20	X. Lộc An	07120
		21	P. Trần Quang Khải	07121
		22	P. Trần Đăng Ninh	07122
		23	P. Văn Miếu	07123
		24	P. Năng Tĩnh	07124
		25	X. Nam Vân	07125
		26	X. Nam Phong	07126
		27	P. Cửa Nam	07127
		28	P. Phan Đình Phùng	07128
		29	P. Trần Hưng Đạo	07129
		30	P. Ngô Quyền	07130
		31	BCP. Nam Định	07150
		32	BC. KHL Nam Định	07151

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		33	BC. Bà Triệu	07152
		34	BC. Nguyễn Du	07153
		35	BC. Khu 8	07154
		36	BC. Lộc Hạ	07155
		37	BC. Đường Trường Chinh	07156
		38	BC. Giải Phóng	07157
		39	BC. KCN Hòa Xá	07158
		40	BC. Trường Thi	07159
		41	BC. Nam Định Ga	07160
		42	BC. Nam Vân	07161
		43	BC. Đò Quan	07162
		44	BC. Hệ 1 Nam Định	07199
	2		**HUYỆN MỸ LỘC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Mỹ Lộc	07200
		2	Huyện ủy	07201
		3	Hội đồng nhân dân	07202
		4	Ủy ban nhân dân	07203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07204
		6	TT. Mỹ Lộc	07206
		7	X. Mỹ Thắng	07207
		8	X. Mỹ Trung	07208
		9	X. Mỹ Tân	07209
		10	X. Mỹ Phúc	07210
		11	X. Mỹ Hưng	07211
		12	X. Mỹ Thuận	07212
		13	X. Mỹ Thịnh	07213
		14	X. Mỹ Thành	07214
		15	X. Mỹ Hà	07215
		16	X. Mỹ Tiến	07216
		17	BCP. Mỹ Lộc	07225
		18	BC. Mỹ Thắng	07226
		19	BC. Chợ Viềng	07227
		20	BC. Đặng Xá	07228
		21	BC. Cầu Họ	07229
	3		**HUYỆN VỤ BẢN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Vụ Bản	07250
		2	Huyện ủy	07251
		3	Hội đồng nhân dân	07252
		4	Ủy ban nhân dân	07253
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07254
		6	TT. Gôi	07256
		7	X. Tam Thanh	07257
		8	X. Liên Minh	07258
		9	X. Vĩnh Hào	07259

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		10	X. Đại Thắng	07260
		11	X. Thành Lợi	07261
		12	X. Tân Thành	07262
		13	X. Liên Bảo	07263
		14	X. Quang Trung	07264
		15	X. Đại An	07265
		16	X. Hợp Hưng	07266
		17	X. Trung Thành	07267
		18	X. Hiển Khánh	07268
		19	X. Minh Thuận	07269
		20	X. Tân Khánh	07270
		21	X. Cộng Hòa	07271
		22	X. Minh Tân	07272
		23	X. Kim Thái	07273
		24	BCP. Vụ Bản	07280
		25	BC. Trình Xuyên	07281
		26	BC. Chợ Dần	07282
		27	BC. Chợ Lời	07283
	4		**HUYỆN Ý YÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ý Yên	07300
		2	Huyện ủy	07301
		3	Hội đồng nhân dân	07302
		4	Ủy ban nhân dân	07303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07304
		6	TT. Lâm	07306
		7	X. Yên Dương	07307
		8	X. Yên Mỹ	07308
		9	X. Yên Minh	07309
		10	X. Yên Bình	07310
		11	X. Yên Lợi	07311
		12	X. Yên Tân	07312
		13	X. Yên Nghĩa	07313
		14	X. Yên Trung	07314
		15	X. Yên Thành	07315
		16	X. Yên Thọ	07316
		17	X. Yên Phương	07317
		18	X. Yên Chính	07318
		19	X. Yên Phú	07319
		20	X. Yên Hưng	07320
		21	X. Yên Khánh	07321
		22	X. Yên Phong	07322
		23	X. Yên Quang	07323
		24	X. Yên Hồng	07324
		25	X. Yên Tiến	07325

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		26	X. Yên Bằng	07326
		27	X. Yên Khang	07327
		28	X. Yên Đồng	07328
		29	X. Yên Trị	07329
		30	X. Yên Nhân	07330
		31	X. Yên Cường	07331
		32	X. Yên Lộc	07332
		33	X. Yên Phúc	07333
		34	X. Yên Thắng	07334
		35	X. Yên Ninh	07335
		36	X. Yên Lương	07336
		37	X. Yên Xá	07337
		38	BCP. Ý Yên	07350
		39	BC. Chợ Bo	07351
		40	BC. Cát Đằng	07352
		41	BC. Yên Bằng	07353
		42	BC. Đống Cao	07354
		43	BC. Yên Cường	07355
		44	BC. Yên Thắng	07356
	5		**HUYỆN NGHĨA HƯNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nghĩa Hưng	07400
		2	Huyện ủy	07401
		3	Hội đồng nhân dân	07402
		4	Ủy ban nhân dân	07403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07404
		6	TT. Liễu Đề	07406
		7	X. Nghĩa Thái	07407
		8	X. Nghĩa Đồng	07408
		9	X. Nghĩa Thịnh	07409
		10	X. Nghĩa Minh	07410
		11	X. Hoàng Nam	07411
		12	X. Nghĩa Châu	07412
		13	X. Nghĩa Trung	07413
		14	X. Nghĩa Sơn	07414
		15	X. Nghĩa Lạc	07415
		16	X. Nghĩa Phú	07416
		17	TT. Quỹ Nhất	07417
		18	X. Nghĩa Hùng	07418
		19	X. Nghĩa Hải	07419
		20	X. Nam Điền	07420
		21	TT. Rạng Đông	07421
		22	X. Nghĩa Phúc	07422
		23	X. Nghĩa Lâm	07423
		24	X. Nghĩa Lợi	07424

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		25	X. Nghĩa Thắng	07425
		26	X. Nghĩa Thành	07426
		27	X. Nghĩa Tân	07427
		28	X. Nghĩa Bình	07428
		29	X. Nghĩa Phong	07429
		30	X. Nghĩa Hồng	07430
		31	BCP. Nghĩa Hưng	07450
		32	BC. Hải Lạng	07451
		33	BC. Quỹ Nhất	07452
		34	BC. Rạng Đông	07453
		35	BC. Giáo Lạc	07454
		36	BC. Giáo Phòng	07455
	6		**HUYỆN NAM TRỰC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nam Trực	07500
		2	Huyện ủy	07501
		3	Hội đồng nhân dân	07502
		4	Ủy ban nhân dân	07503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07504
		6	TT. Nam Giang	07506
		7	X. Nam Hùng	07507
		8	X. Nam Hoa	07508
		9	X. Nam Hồng	07509
		10	X. Tân Thịnh	07510
		11	X. Nam Thắng	07511
		12	X. Điền Xá	07512
		13	X. Nam Mỹ	07513
		14	X. Nam Toàn	07514
		15	X. Hồng Quang	07515
		16	X. Nghĩa An	07516
		17	X. Nam Cường	07517
		18	X. Nam Dương	07518
		19	X. Bình Minh	07519
		20	X. Nam Tiến	07520
		21	X. Đồng Sơn	07521
		22	X. Nam Thái	07522
		23	X. Nam Hải	07523
		24	X. Nam Lợi	07524
		25	X. Nam Thanh	07525
		26	BCP. Nam Trực	07550
		27	BC. Chợ Yên	07551
		28	BC. Nam Xá	07552
		29	BC. Cầu Vòi	07553
		30	BC. Cổ Giả	07554
	7		**HUYỆN TRỰC NINH**	

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		1	BC. Trung tâm huyện Trực Ninh	07600
		2	Huyện ủy	07601
		3	Hội đồng nhân dân	07602
		4	Ủy ban nhân dân	07603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07604
		6	TT. Cổ Lễ	07606
		7	X. Trung Đông	07607
		8	X. Trực Tuấn	07608
		9	X. Trực Đạo	07609
		10	X. Trực Thanh	07610
		11	X. Trực Nội	07611
		12	X. Trực Hưng	07612
		13	X. Trực Mỹ	07613
		14	X. Trực Khang	07614
		15	X. Trực Thuận	07615
		16	X. Trực Hùng	07616
		17	X. Trực Phú	07617
		18	X. Trực Cường	07618
		19	X. Trực Thái	07619
		20	X. Trực Thắng	07620
		21	X. Trực Đại	07621
		22	TT. Cát Thành	07622
		23	X. Việt Hùng	07623
		24	X. Liêm Hải	07624
		25	X. Phương Định	07625
		26	X. Trực Chính	07626
		27	BCP. Trực Ninh	07650
		28	BC. Chợ Đền	07651
		29	BC. Ninh Cường	07652
		30	BC. Trực Thái	07653
		31	BC. Trực Cát	07654
		32	BC. Liêm Hải	07655
	8		**HUYỆN XUÂN TRƯỜNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Xuân Trường	07700
		2	Huyện ủy	07701
		3	Hội đồng nhân dân	07702
		4	Ủy ban nhân dân	07703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07704
		6	TT. Xuân Trường	07706
		7	X. Xuân Tiến	07707
		8	X. Xuân Kiên	07708
		9	X. Xuân Ninh	07709
		10	X. Xuân Hòa	07710
		11	X. Xuân Vinh	07711

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		12	X. Xuân Trung	07712
		13	X. Xuân Phương	07713
		14	X. Thọ Nghiệp	07714
		15	X. Xuân Phú	07715
		16	X. Xuân Đài	07716
		17	X. Xuân Tân	07717
		18	X. Xuân Thành	07718
		19	X. Xuân Châu	07719
		20	X. Xuân Thượng	07720
		21	X. Xuân Hồng	07721
		22	X. Xuân Ngọc	07722
		23	X. Xuân Thủy	07723
		24	X. Xuân Bắc	07724
		25	X. Xuân Phong	07725
		26	BCP. Xuân Trường	07750
		27	BC. Xuân Tiến	07751
		28	BC. Lạc Quần	07752
		29	BC. Xuân Đài	07753
		30	BC. Hành Thiện	07754
		31	BC. Xuân Bắc	07755
	9		**HUYỆN GIAO THỦY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Giao Thủy	07800
		2	Huyện ủy	07801
		3	Hội đồng nhân dân	07802
		4	Ủy ban nhân dân	07803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07804
		6	TT. Ngô Đồng	07806
		7	X. Hoành Sơn	07807
		8	X. Giao Nhân	07808
		9	X. Giao Tiến	07809
		10	X. Giao Châu	07810
		11	X. Giao Yến	07811
		12	X. Giao Tân	07812
		13	X. Giao Thịnh	07813
		14	TT. Quất Lâm	07814
		15	X. Giao Phong	07815
		16	X. Bạch Long	07816
		17	X. Giao Long	07817
		18	X. Giao Hải	07818
		19	X. Giao Hà	07819
		20	X. Giao Xuân	07820
		21	X. Giao Lạc	07821
		22	X. Giao An	07822
		23	X. Giao Thiện	07823

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		24	X. Giao Hương	07824
		25	X. Giao Thanh	07825
		26	X. Hồng Thuận	07826
		27	X. Bình Hòa	07827
		28	BCP. Giao Thủy	07850
		29	BC. Hoành Nha	07851
		30	BC. Giao Yến	07852
		31	BC. Giao Lâm	07853
		32	BC. Giao Phong	07854
		33	BC. Giao Thanh	07855
		34	BC. Đại Đồng	07856
	10		**HUYỆN HẢI HẬU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hải Hậu	07900
		2	Huyện ủy	07901
		3	Hội đồng nhân dân	07902
		4	Ủy ban nhân dân	07903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	07904
		6	TT.Yên Định	07906
		7	X. Hải Thanh	07907
		8	X. Hải Hà	07908
		9	X. Hải Phúc	07909
		10	X. Hải Nam	07910
		11	X. Hải Vân	07911
		12	X. Hải Hưng	07912
		13	X. Hải Bắc	07913
		14	X. Hải Trung	07914
		15	X. Hải Anh	07915
		16	X. Hải Minh	07916
		17	X. Hải Dương	07917
		18	X. Hải Phong	07918
		19	X. Hải Toàn	07919
		20	X. Hải An	07920
		21	X. Hải Giang	07921
		22	X. Hải Ninh	07922
		23	X. Hải Châu	07923
		24	TT.Thịnh Long	07924
		25	X. Hải Triều	07925
		26	X. Hải Hòa	07926
		27	X. Hải Phú	07927
		28	X. Hải Cường	07928
		29	X. Hải Xuân	07929
		30	X. Hải Chính	07930
		31	TT.Cồn	07931
		32	X. Hải Sơn	07932

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		33	X. Hải Tân	07933
		34	X. Hải Tây	07934
		35	X. Hải Lý	07935
		36	X. Hải Đông	07936
		37	X. Hải Quang	07937
		38	X. Hải Lộc	07938
		39	X. Hải Phương	07939
		40	X. Hải Long	07940
		41	BCP. Hải Hậu	07950
		42	BC. Hải Hà	07951
		43	BC. Hải Hùng	07952
		44	BC. Thượng Trại	07953
		45	BC. Hải Thịnh	07954
		46	BC. Chợ Cồn	07955

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41			**TỈNH NGHỆ AN**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Nghệ An	43000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	43001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	43002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	43003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	43004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	43005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	43009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	43010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	43011
		10	Báo Nghệ An	43016
		11	Hội đồng nhân dân	43021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	43030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	43035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	43036
		15	Kiểm toán nhà nước khu vực II	43037
		16	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	43040
		17	Sở Công Thương	43041
		18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	43042
		19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	43043
		20	Sở Ngoại vụ	43044
		21	Sở Tài chính	43045
		22	Sở Thông tin và Truyền thông	43046
		23	Sở Văn hoá và Thể thao	43047
		24	Sở Du lịch	43048
		25	Công an tỉnh	43049
		26	Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy	43050
		27	Sở Nội vụ	43051
		28	Sở Tư pháp	43052
		29	Sở Giáo dục và Đào tạo	43053
		30	Sở Giao thông vận tải	43054
		31	Sở Khoa học và Công nghệ	43055
		32	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43056
		33	Sở Tài nguyên và Môi trường	43057
		34	Sở Xây dựng	43058
		35	Sở Y tế	43060
		36	Bộ chỉ huy Quân sự	43061
		37	Ban Dân tộc	43062
		38	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	43063
		39	Thanh tra tỉnh	43064
		40	Trường chính trị tỉnh	43065
		41	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	43066

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	43067
		43	Bảo hiểm xã hội tỉnh	43070
		44	Cục Thuế	43078
		45	Cục Hải quan	43079
		46	Cục Thống kê	43080
		47	Kho bạc Nhà nước tỉnh	43081
		48	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	43085
		49	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	43086
		50	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	43087
		51	Liên đoàn Lao động tỉnh	43088
		52	Hội Nông dân tỉnh	43089
		53	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	43090
		54	Tỉnh đoàn	43091
		55	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	43092
		56	Hội Cựu chiến binh tỉnh	43093
	1		**THÀNH PHỐ VINH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Vinh	43100
		2	Thành ủy	43101
		3	Hội đồng nhân dân	43102
		4	Ủy ban nhân dân	43103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43104
		6	P. Lê Mao	43106
		7	P. Trường Thi	43107
		8	P. Bến Thủy	43108
		9	P. Hưng Dũng	43109
		10	P. Hưng Phúc	43110
		11	P. Hưng Bình	43111
		12	P. Quang Trung	43112
		13	P. Hồng Sơn	43113
		14	P. Cửa Nam	43114
		15	P. Đội Cung	43115
		16	P. Lê Lợi	43116
		17	P. Hà Huy Tập	43117
		18	X. Hưng Hòa	43118
		19	X. Hưng Lộc	43119
		20	P. Quán Bàu	43120
		21	X. Nghi Phú	43121
		22	X. Nghi Đức	43122
		23	X. Nghi Ân	43123
		24	X. Nghi Liên	43124
		25	X. Nghi Kim	43125
		26	X. Hưng Đông	43126
		27	P. Đông Vĩnh	43127
		28	X. Hưng Chính	43128

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		29	P. Vinh Tân	43129
		30	P. Trung Đô	43130
		31	BCP. Hàng Nặng Vinh	43150
		32	BCP. Phía Đông	43151
		33	BCP. Phía Nam	43152
		34	BCP. Phía Tây	43153
		35	BCP. Phía Bắc	43154
		36	BC. KHL Phía Đông	43155
		37	BC. KHL Phía Nam	43156
		38	BC. KHL Phía Tây	43157
		39	BC. KHL Phía Bắc	43158
		40	BC. Bến Thủy	43159
		41	BC. Hưng Dũng	43160
		42	BC. Đường 3-2	43161
		43	BC. Cửa Nam	43162
		44	BC. Đội Cung	43163
		45	BC. Cửa Bắc	43164
		46	BC. Quán Bàu	43165
		47	BC. Chợ Ga	43166
		48	BC. Hưng Lộc	43167
		49	BC. Chợ Cọi	43168
		50	BC. Quán Bánh	43169
		51	BC. Nghi Liên	43170
		52	BC. Sân Bay Vinh	43171
		53	BC. KCN Bắc Vinh	43172
		54	BC. Đông Vĩnh	43173
		55	BC. Phượng Hoàng	43174
		56	BC. Hệ 1 Nghệ An	43199
	2		**THỊ XÃ CỬA LÒ**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Cửa Lò	43200
		2	Thị ủy	43201
		3	Hội đồng nhân dân	43202
		4	Ủy ban nhân dân	43203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43204
		6	P. Nghi Hương	43206
		7	P. Nghi Hòa	43207
		8	P. Nghi Hải	43208
		9	P. Nghi Thu	43209
		10	P. Thu Thủy	43210
		11	P. Nghi Thủy	43211
		12	P. Nghi Tân	43212
		13	BCP. Cửa Lò	43250
		14	BC. Hải Hòa	43251
		15	BC. Chợ Sơn	43252

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		16	BC. Lan Châu	43253
		17	BC. Cảng	43254
		18	BC. Bình Minh	43255
	3		**HUYỆN NGHI LỘC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nghi Lộc	43300
		2	Huyện ủy	43301
		3	Hội đồng nhân dân	43302
		4	Ủy ban nhân dân	43303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43304
		6	TT. Quán Hành	43306
		7	X. Nghi Trung	43307
		8	X. Nghi Thịnh	43308
		9	X. Nghi Khánh	43309
		10	X. Nghi Hợp	43310
		11	X. Nghi Xá	43311
		12	X. Nghi Thuận	43312
		13	X. Nghi Hoa	43313
		14	X. Nghi Diên	43314
		15	X. Nghi Vạn	43315
		16	X. Nghi Trường	43316
		17	X. Nghi Thạch	43317
		18	X. Nghi Xuân	43318
		19	X. Nghi Phong	43319
		20	X. Phúc Thọ	43320
		21	X. Nghi Thái	43321
		22	X. Nghi Long	43322
		23	X. Nghi Quang	43323
		24	X. Nghi Thiết	43324
		25	X. Nghi Tiến	43325
		26	X. Nghi Yên	43326
		27	X. Nghi Hưng	43327
		28	X. Nghi Đồng	43328
		29	X. Nghi Phương	43329
		30	X. Nghi Văn	43330
		31	X. Nghi Kiều	43331
		32	X. Nghi Lâm	43332
		33	X. Nghi Mỹ	43333
		34	X. Nghi Công Bắc	43334
		35	X. Nghi Công Nam	43335
		36	BCP. Nghi Lộc	43350
		37	BC. KHL Nghi Lộc	43351
		38	BC. Nghi Thạch	43352
		39	BC. Cửa Hội	43353
		40	BC. Nghi Thái	43354

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		41	BC. Nam Cấm	43355
		42	BC. Nghi Mỹ	43356
	4		**HUYỆN DIỄN CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Diễn Châu	43400
		2	Huyện ủy	43401
		3	Hội đồng nhân dân	43402
		4	Ủy ban nhân dân	43403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43404
		6	TT. Diễn Châu	43406
		7	X. Diễn Thành	43407
		8	X. Diễn Ngọc	43408
		9	X. Diễn Hoa	43409
		10	X. Diễn Quảng	43410
		11	X. Diễn Bình	43411
		12	X. Diễn Cát	43412
		13	X. Diễn Tân	43413
		14	X. Diễn Phúc	43414
		15	X. Diễn Thịnh	43415
		16	X. Diễn Thọ	43416
		17	X. Diễn Lợi	43417
		18	X. Diễn Lộc	43418
		19	X. Diễn Phú	43419
		20	X. Diễn An	43420
		21	X. Diễn Trung	43421
		22	X. Diễn Thắng	43422
		23	X. Diễn Minh	43423
		24	X. Diễn Nguyên	43424
		25	X. Diễn Hạnh	43425
		26	X. Diễn Kỷ	43426
		27	X. Diễn Bích	43427
		28	X. Diễn Kim	43428
		29	X. Diễn Hải	43429
		30	X. Diễn Vạn	43430
		31	X. Diễn Xuân	43431
		32	X. Diễn Đồng	43432
		33	X. Diễn Thái	43433
		34	X. Diễn Liên	43434
		35	X. Diễn Tháp	43435
		36	X. Diễn Hồng	43436
		37	X. Diễn Phong	43437
		38	X. Diễn Mỹ	43438
		39	X. Diễn Hùng	43439
		40	X. Diễn Hoàng	43440
		41	X. Diễn Yên	43441

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	X. Diễn Trường	43442
		43	X. Diễn Đoài	43443
		44	X. Diễn Lâm	43444
		45	BCP. Diễn Châu	43450
		46	BC. KHL Diễn Châu	43451
		47	BC. Diễn Cát	43452
		48	BC. Diễn Lộc	43453
		49	BC. Diễn An	43454
		50	BC. Bình Thắng	43455
		51	BC. Cầu Bùng	43456
		52	BC. Diễn Xuân	43457
		53	BC. Chợ Dàn	43458
		54	BC. Yên Lý	43459
		55	BC. Chợ Tảo	43460
	5		**HUYỆN QUỲNH LƯU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quỳnh Lưu	43500
		2	Huyện ủy	43501
		3	Hội đồng nhân dân	43502
		4	Ủy ban nhân dân	43503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43504
		6	TT. Cầu Giát	43506
		7	X. Quỳnh Bá	43507
		8	X. Quỳnh Yên	43508
		9	X. Quỳnh Minh	43509
		10	X. Quỳnh Lương	43510
		11	X. Quỳnh Bảng	43511
		12	X. Quỳnh Thanh	43512
		13	X. Quỳnh Đôi	43513
		14	X. Quỳnh Thạch	43514
		15	X. Quỳnh Hậu	43515
		16	X. Quỳnh Hồng	43516
		17	X. Quỳnh Giang	43517
		18	X. Quỳnh Diện	43518
		19	X. Quỳnh Hưng	43519
		20	X. Quỳnh Ngọc	43520
		21	X. Quỳnh Thọ	43521
		22	X. Sơn Hải	43522
		23	X. An Hòa	43523
		24	X. Quỳnh Thuận	43524
		25	X. Quỳnh Long	43525
		26	X. Tiến Thủy	43526
		27	X. Quỳnh Nghĩa	43527
		28	X. Quỳnh Lâm	43528
		29	X. Quỳnh Mỹ	43529

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		30	X. Quỳnh Hoa	43530
		31	X. Quỳnh Văn	43531
		32	X. Quỳnh Tân	43532
		33	X. Tân Thắng	43533
		34	X. Quỳnh Thắng	43534
		35	X. Quỳnh Châu	43535
		36	X. Quỳnh Tam	43536
		37	X. Tân Sơn	43537
		38	X. Ngọc Sơn	43538
		39	BCP. Quỳnh Lưu	43550
		40	BC. KHL Quỳnh Lưu	43551
		41	BC. Quỳnh Lương	43552
		42	BC. Quỳnh Đôi	43553
		44	BC. Thạch Văn	43554
		46	BC. Chợ Ngò	43555
		47	BC. Quỳnh Thuận	43556
		48	BC. Chợ Tuần	43557
		49	BĐVHX Quỳnh Giang	43558
	6		**HUYỆN YÊN THÀNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Yên Thành	43600
		2	Huyện ủy	43601
		3	Hội đồng nhân dân	43602
		4	Ủy ban nhân dân	43603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43604
		6	TT. Yên Thành	43606
		7	X. Hoa Thành	43607
		8	X. Hợp Thành	43608
		9	X. Phú Thành	43609
		10	X. Văn Thành	43610
		11	X. Tăng Thành	43611
		12	X. Xuân Thành	43612
		13	X. Bắc Thành	43613
		14	X. Trung Thành	43614
		15	X. Nam Thành	43615
		16	X. Lý Thành	43616
		17	X. Đại Thành	43617
		18	X. Mỹ Thành	43618
		19	X. Liên Thành	43619
		20	X. Công Thành	43620
		21	X. Khánh Thành	43621
		22	X. Bảo Thành	43622
		23	X. Sơn Thành	43623
		24	X. Viên Thành	43624
		25	X. Vĩnh Thành	43625

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		26	X. Long Thành	43626
		27	X. Nhân Thành	43627
		28	X. Hồng Thành	43628
		29	X. Thọ Thành	43629
		30	X. Đô Thành	43630
		31	X. Đức Thành	43631
		32	X. Tân Thành	43632
		33	X. Mã Thành	43633
		34	X. Tiến Thành	43634
		35	X. Hậu Thành	43635
		36	X. Phúc Thành	43636
		37	X. Hùng Thành	43637
		38	X. Lăng Thành	43638
		39	X. Kim Thành	43639
		40	X. Quang Thành	43640
		41	X. Tây Thành	43641
		42	X. Đồng Thành	43642
		43	X. Thịnh Thành	43643
		44	X. Minh Thành	43644
		45	BCP. Yên Thành	43650
		46	BC. KHL Yên Thành	43651
		47	BC. Hợp Thành	43652
		48	BC. Trung Thành	43653
		49	BC. Vân Tụ	43654
		50	BC. Công Thành	43655
		51	BC. Bảo Nham	43656
		52	BC. Đô Thành	43657
		53	BC. Hậu Thành	43658
		54	BC. Tây Thành	43659
	7		**HUYỆN NGHĨA ĐÀN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nghĩa Đàn	43700
		2	Huyện ủy	43701
		3	Hội đồng nhân dân	43702
		4	Ủy ban nhân dân	43703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43704
		6	TT. Nghĩa Đàn	43706
		7	X. Nghĩa Hội	43707
		8	X. Nghĩa Thọ	43708
		9	X. Nghĩa Phú	43709
		10	X. Nghĩa Bình	43710
		11	X. Nghĩa Trung	43711
		12	X. Nghĩa Minh	43712
		13	X. Nghĩa Lâm	43713
		14	X. Nghĩa Lợi	43714

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		15	X. Nghĩa Lạc	43715
		16	X. Nghĩa Sơn	43716
		17	X. Nghĩa Yên	43717
		18	X. Nghĩa Mai	43718
		19	X. Nghĩa Hồng	43719
		20	X. Nghĩa Thịnh	43720
		21	X. Nghĩa Hưng	43721
		22	X. Nghĩa Thắng	43722
		23	X. Nghĩa Liên	43723
		24	X. Nghĩa Tân	43724
		25	X. Nghĩa Hiếu	43725
		26	X. Nghĩa Đức	43726
		27	X. Nghĩa An	43727
		28	X. Nghĩa Khánh	43728
		29	X. Nghĩa Long	43729
		30	X. Nghĩa Lộc	43730
		31	BCP. Nghĩa Đàn	43750
		32	BC. KHL Nghĩa Đàn	43751
		33	BC. 1/5	43752
		34	BC. Nghĩa Minh	43753
		35	BC. Nghĩa Lâm	43754
		36	BC. Nghĩa Hiếu	43755
		37	BC. Nghĩa An	43756
	8		**HUYỆN TÂN KỲ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Kỳ	43800
		2	Huyện ủy	43801
		3	Hội đồng nhân dân	43802
		4	Ủy ban nhân dân	43803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43804
		6	TT. Tân Kỳ	43806
		7	X. Kỳ Tân	43807
		8	X. Nghĩa Dũng	43808
		9	X. Tân Long	43809
		10	X. Nghĩa Hoàn	43810
		11	X. Tân Phú	43811
		12	X. Nghĩa Thái	43812
		13	X. Nghĩa Hợp	43813
		14	X. Nghĩa Bình	43814
		15	X. Nghĩa Đồng	43815
		16	X. Tân Xuân	43816
		17	X. Giai Xuân	43817
		18	X. Tân Hợp	43818
		19	X. Đồng Văn	43819
		20	X. Nghĩa Phúc	43820

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		21	X. Tân An	43821
		22	X. Hương Sơn	43822
		23	X. Kỳ Sơn	43823
		24	X. Tân Hương	43824
		25	X. Nghĩa Hành	43825
		26	X. Phú Sơn	43826
		27	X. Tiên Kỳ	43827
		28	BCP. Tân Kỳ	43850
		29	BC. Tân Phú	43851
		30	BC. Nghĩa Hợp	43852
		31	BC. Tân An	43853
		32	BC. Cầu Trôi	43854
		33	BC. Đồng Thờ	43855
	9		**HUYỆN QUỲ HỢP**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quỳ Hợp	43900
		2	Huyện ủy	43901
		3	Hội đồng nhân dân	43902
		4	Ủy ban nhân dân	43903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	43904
		6	TT. Quỳ Hợp	43906
		7	X. Minh Hợp	43907
		8	X. Nghĩa Xuân	43908
		9	X. Thọ Hợp	43909
		10	X. Châu Quang	43910
		11	X. Châu Lộc	43911
		12	X. Tam Hợp	43912
		13	X. Đồng Hợp	43913
		14	X. Yên Hợp	43914
		15	X. Liên Hợp	43915
		16	X. Châu Tiến	43916
		17	X. Châu Hồng	43917
		18	X. Châu Thành	43918
		19	X. Châu Cường	43919
		20	X. Châu Thái	43920
		21	X. Châu Đình	43921
		22	X. Châu Lý	43922
		23	X. Nam Sơn	43923
		24	X. Bắc Sơn	43924
		25	X. Văn Lợi	43925
		26	X. Hạ Sơn	43926
		27	BCP. Quỳ Hợp	43950
		28	BC. Quán Dinh	43951
		29	BC. Đồng Nại	43952
		30	BĐVHX Văn Lợi B	43953

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	10		**HUYỆN QUỲ CHÂU**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quỳ Châu	44000
		2	Huyện ủy	44001
		3	Hội đồng nhân dân	44002
		4	Ủy ban nhân dân	44003
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44004
		6	TT. Quỳ Châu	44006
		7	X. Châu Bình	44007
		8	X. Châu Nga	44008
		9	X. Châu Hạnh	44009
		10	X. Châu Hội	44010
		11	X. Châu Thuận	44011
		12	X. Châu Bính	44012
		13	X. Châu Tiến	44013
		14	X. Châu Thắng	44014
		15	X. Châu Phong	44015
		16	X. Châu Hoàn	44016
		17	X. Diên Lãm	44017
		18	BCP. Quỳ Châu	44025
		19	BC. Châu Bình	44026
		20	BC. Đò Ham	44027
		21	BC. Tạ Chum	44028
	11		**HUYỆN QUẾ PHONG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Quế Phong	44050
		2	Huyện ủy	44051
		3	Hội đồng nhân dân	44052
		4	Ủy ban nhân dân	44053
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44054
		6	TT. Kim Sơn	44056
		7	X. Mường Nọc	44057
		8	X. Châu Kim	44058
		9	X. Châu Thôn	44059
		10	X. Nậm Nhoóng	44060
		11	X. Cắm Muộn	44061
		12	X. Quang Phong	44062
		13	X. Quế Sơn	44063
		14	X. Tiền Phong	44064
		15	X. Đồng Văn	44065
		16	X. Thông Thụ	44066
		17	X. Hạnh Dịch	44067
		18	X. Nậm Giải	44068
		19	X. Tri Lễ	44069
		20	BCP. Quế Phong	44075
		21	BC. Phú Phương	44076

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	12		**HUYỆN ĐÔ LƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đô Lương	44100
		2	Huyện ủy	44101
		3	Hội đồng nhân dân	44102
		4	Ủy ban nhân dân	44103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44104
		6	TT. Đô Lương	44106
		7	X. Yên Sơn	44107
		8	X. Văn Sơn	44108
		9	X. Thịnh Sơn	44109
		10	X. Đà Sơn	44110
		11	X. Trung Sơn	44111
		12	X. Thuận Sơn	44112
		13	X. Xuân Sơn	44113
		14	X. Lạc Sơn	44114
		15	X. Tân Sơn	44115
		16	X. Thái Sơn	44116
		17	X. Minh Sơn	44117
		18	X. Quang Sơn	44118
		19	X. Nhân Sơn	44119
		20	X. Thượng Sơn	44120
		21	X. Hiến Sơn	44121
		22	X. Mỹ Sơn	44122
		23	X. Trù Sơn	44123
		24	X. Đại Sơn	44124
		25	X. Hòa Sơn	44125
		26	X. Lưu Sơn	44126
		27	X. Đặng Sơn	44127
		28	X. Nam Sơn	44128
		29	X. Ngọc Sơn	44129
		30	X. Bắc Sơn	44130
		31	X. Tràng Sơn	44131
		32	X. Đông Sơn	44132
		33	X. Bài Sơn	44133
		34	X. Bồi Sơn	44134
		35	X. Lam Sơn	44135
		36	X. Hồng Sơn	44136
		37	X. Giang Sơn Đông	44137
		38	X. Giang Sơn Tây	44138
		39	BCP. Đô Lương	44150
		40	BC. KHL Đô Lương	44151
		41	BC. Thuận Sơn	44152
		42	BC. Xuân Bài	44153
		43	BC. Đà Sơn	44154

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		44	BC. Quang Sơn	44155
		45	BC. Trù Sơn	44156
		46	BC. Cầu Khuôn	44157
		47	BC. Nam Sơn	44158
		48	BC. Tràng Thành	44159
		49	BC. Chợ Trung	44160
		50	BC. Giang Sơn	44161
	13		**HUYỆN ANH SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Anh Sơn	44200
		2	Huyện ủy	44201
		3	Hội đồng nhân dân	44202
		4	Ủy ban nhân dân	44203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44204
		6	TT. Anh Sơn	44206
		7	X. Long Sơn	44207
		8	X. Khai Sơn	44208
		9	X. Cao Sơn	44209
		10	X. Lĩnh Sơn	44210
		11	X. Lạng Sơn	44211
		12	X. Tào Sơn	44212
		13	X. Vĩnh Sơn	44213
		14	X. Thạch Sơn	44214
		15	X. Đức Sơn	44215
		16	X. Hội Sơn	44216
		17	X. Phúc Sơn	44217
		18	X. Hoa Sơn	44218
		19	X. Tường Sơn	44219
		20	X. Cẩm Sơn	44220
		21	X. Hùng Sơn	44221
		22	X. Đỉnh Sơn	44222
		23	X. Tam Sơn	44223
		24	X. Bình Sơn	44224
		25	X. Thành Sơn	44225
		26	X. Thọ Sơn	44226
		27	BCP. Anh Sơn	44250
		28	BC. Lĩnh Sơn	44251
		29	BC. Chợ Dừa	44252
		30	BC. Cây Chanh	44253
	14		**HUYỆN CON CUÔNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Con Cuông	44300
		2	Huyện ủy	44301
		3	Hội đồng nhân dân	44302
		4	Ủy ban nhân dân	44303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44304

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		6	TT. Con Cuông	44306
		7	X. Bồng Khê	44307
		8	X. Chi Khê	44308
		9	X. Yên Khê	44309
		10	X. Châu Khê	44310
		11	X. Lục Dạ	44311
		12	X. Môn Sơn	44312
		13	X. Thạch Ngàn	44313
		14	X. Mậu Đức	44314
		15	X. Đôn Phục	44315
		16	X. Cam Lâm	44316
		17	X. Lạng Khê	44317
		18	X. Bình Chuẩn	44318
		19	BCP. Con Cuông	44325
	15		**HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tương Dương	44350
		2	Huyện ủy	44351
		3	Hội đồng nhân dân	44352
		4	Ủy ban nhân dân	44353
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44354
		6	TT. Hòa Bình	44356
		7	X. Thạch Giám	44357
		8	X. Yên Thắng	44358
		9	X. Yên Na	44359
		10	X. Yên Hòa	44360
		11	X. Xiêng My	44361
		12	X. Nga My	44362
		13	X. Yên Tĩnh	44363
		14	X. Lượng Minh	44364
		15	X. Hữu Khuông	44365
		16	X. Tam Đình	44366
		17	X. Nhôn Mai	44367
		18	X. Mai Sơn	44368
		19	X. Tam Thái	44369
		20	X. Tam Quang	44370
		21	X. Tam Hợp	44371
		22	X. Xá Lượng	44372
		23	X. Lưu Kiền	44373
		24	BCP. Tương Dương	44380
		25	BC. Cánh Tráp	44381
		26	BC. Khe Bố	44382
	16		**HUYỆN KỲ SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kỳ Sơn	44400
		2	Huyện ủy	44401

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		3	Hội đồng nhân dân	44402
		4	Ủy ban nhân dân	44403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44404
		6	TT. Mường Xén	44406
		7	X. Chiêu Lưu	44407
		8	X. Hữu Lập	44408
		9	X. Bảo Nam	44409
		10	X. Bảo Thắng	44410
		11	X. Mường Lống	44411
		12	X. Phà Đánh	44412
		13	X. Nậm Cắn	44413
		14	X. Huổi Tụ	44414
		15	X. Na Loi	44415
		16	X. Đoọc Mạy	44416
		17	X. Keng Đu	44417
		18	X. Bắc Lý	44418
		19	X. Mỹ Lý	44419
		20	X. Hữu Kiệm	44420
		21	X. Tây Sơn	44421
		22	X. Tà Cạ	44422
		23	X. Mường Típ	44423
		24	X. Mường Ải	44424
		25	X. Na Ngoi	44425
		26	X. Nậm Càn	44426
		27	BCP. Kỳ Sơn	44450
		28	BC. Khe Nằn	44451
		29	BC. Cửa Khẩu Nậm Cắn	44452
	17		**HUYỆN HƯNG NGUYÊN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hưng Nguyên	44500
		2	Huyện ủy	44501
		3	Hội đồng nhân dân	44502
		4	Ủy ban nhân dân	44503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44504
		6	TT Hưng Nguyên	44506
		7	X. Hưng Tây	44507
		8	X. Hưng Yên Nam	44508
		9	X. Hưng Yên Bắc	44509
		10	X. Hưng Trung	44510
		11	X. Hưng Đạo	44511
		12	X. Hưng Tân	44512
		13	X. Hưng Thông	44513
		14	X. Hưng Xuân	44514
		15	X. Hưng Xá	44515
		16	X. Hưng Long	44516

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		17	X. Hưng Lĩnh	44517
		18	X. Hưng Mỹ	44518
		19	X. Hưng Thịnh	44519
		20	X. Hưng Phúc	44520
		21	X. Hưng Thắng	44521
		22	X. Hưng Tiến	44522
		23	X. Hưng Lam	44523
		24	X. Hưng Phú	44524
		25	X. Hưng Khánh	44525
		26	X. Hưng Châu	44526
		27	X. Hưng Lợi	44527
		28	X. Hưng Nhân	44528
		29	BCP. Hưng Nguyên	44550
		30	BC. KHL Hưng Nguyên	44551
		31	BC. Hưng Xá	44552
		32	BC. Hưng Châu	44553
	18		**HUYỆN NAM ĐÀN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nam Đàn	44600
		2	Huyện ủy	44601
		3	Hội đồng nhân dân	44602
		4	Ủy ban nhân dân	44603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44604
		6	TT. Nam Đàn	44606
		7	X. Xuân Hòa	44607
		8	X. Nam Anh	44608
		9	X. Nam Xuân	44609
		10	X. Nam Lĩnh	44610
		11	X. Nam Giang	44611
		12	X. Hùng Tiến	44612
		13	X. Nam Tân	44613
		14	X. Nam Thượng	44614
		15	X. Nam Lộc	44615
		16	X. Hồng Long	44616
		17	X. Kim Liên	44617
		18	X. Xuân Lâm	44618
		19	X. Nam Cát	44619
		20	X. Khánh Sơn	44620
		21	X. Nam Trung	44621
		22	X. Nam Phúc	44622
		23	X. Nam Cường	44623
		24	X. Nam Kim	44624
		25	X. Vân Diên	44625
		26	X. Nam Thái	44626
		27	X. Nam Thanh	44627

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		28	X. Nam Nghĩa	44628
		29	X. Nam Hưng	44629
		30	BCP. Nam Đàn	44650
		31	BC. KHL Nam Dàn	44651
		32	BC. Xuân Hòa	44652
		33	BC. Nam Anh	44653
		34	BC. Chợ Vạc	44654
		35	BC. Nam Giang	44655
		36	BC. Kim Liên	44656
		37	BC. Chín Nam	44657
		38	BC. Nam Nghĩa	44658
	19		**HUYỆN THANH CHƯƠNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thanh Chương	44700
		2	Huyện ủy	44701
		3	Hội đồng nhân dân	44702
		4	Ủy ban nhân dân	44703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44704
		6	TT. Thanh Chương	44706
		7	X. Thanh Ngọc	44707
		8	X. Thanh Đồng	44708
		9	X. Thanh Phong	44709
		10	X. Thanh Tường	44710
		11	X. Thanh Hưng	44711
		12	X. Thanh Văn	44712
		13	X. Thanh Tiên	44713
		14	X. Thanh Liên	44714
		15	X. Phong Thịnh	44715
		16	X. Cát Văn	44716
		17	X. Thanh Hòa	44717
		18	X. Thanh Nho	44718
		19	X. Thanh Đức	44719
		20	X. Hạnh Lâm	44720
		21	X. Thanh Sơn	44721
		22	X. Thanh Mỹ	44722
		23	X. Thanh Lĩnh	44723
		24	X. Đồng Văn	44724
		25	X. Thanh Hương	44725
		26	X. Ngọc Lâm	44726
		27	X. Thanh An	44727
		28	X. Thanh Thịnh	44728
		29	X. Thanh Khê	44729
		30	X. Thanh Chi	44730
		31	X. Ngọc Sơn	44731
		32	X. Xuân Tường	44732

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		33	X. Thanh Long	44733
		34	X. Võ Liệt	44734
		35	X. Thanh Thủy	44735
		36	X. Thanh Hà	44736
		37	X. Thanh Tùng	44737
		38	X. Thanh Dương	44738
		39	X. Thanh Lương	44739
		40	X. Thanh Khai	44740
		41	X. Thanh Yên	44741
		42	X. Thanh Giang	44742
		43	X. Thanh Mai	44743
		44	X. Thanh Xuân	44744
		45	X. Thanh Lâm	44745
		46	BCP. Thanh Chương	44750
		47	BC. KHL Thanh Chương	44751
		48	BC. Đại Đồng	44752
		49	BC. Chợ Rạng	44753
		50	BC. Chợ Giăng	44754
		51	BC. Chợ Chùa	44755
		52	BC. Hạnh Lâm	44756
		53	BC. Ba Bến	44757
		54	BC. Nguyệt Bổng	44758
		55	BC. Chợ Rộ	44759
		56	BC. Phuống	44759
		57	BC. Chợ Cồn	44760
		58	BC. Rào Gang	44761
		59	BC. Phuống	44762
	20		**THỊ XÃ THÁI HÒA**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Thái Hòa	44800
		2	Thị ủy	44801
		3	Hội đồng nhân dân	44802
		4	Ủy ban nhân dân	44803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44804
		6	P. Hòa Hiếu	44806
		7	P. Quang Tiến	44807
		8	P. Quang Phong	44808
		9	P. Long Sơn	44809
		10	X. Nghĩa Hòa	44810
		11	X. Nghĩa Tiến	44811
		12	X. Nghĩa Mỹ	44812
		13	X. Tây Hiếu	44813
		14	X. Nghĩa Thuận	44814
		15	X. Đông Hiếu	44815
		16	BCP. Thái Hòa	44850

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		19	BC. KHL Thái Hòa	44851
		20	BC. Chợ Mới	44852
		21	ĐVHX. Đông Hiếu	44853
	21		**THỊ XÃ HOÀNG MAI**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Hoàng Mai	44900
		2	Thị ủy	44901
		3	Hội đồng nhân dân	44902
		4	Ủy ban nhân dân	44903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	44904
		6	P. Quỳnh Thiện	44906
		7	X. Quỳnh Lập	44907
		8	X. Quỳnh Vinh	44908
		9	X. Quỳnh Trang	44909
		10	X. Quỳnh Lộc	44910
		11	P. Quỳnh Dị	44911
		12	P. Mai Hùng	44912
		13	P. Quỳnh Phương	44913
		14	P. Quỳnh Xuân	44914
		15	X. Quỳnh Liên	44915
		16	BCP. Hoàng Mai	44950
		17	BC. KHL Hoàng Mai	44951
		18	BC. Quỳnh Phương	44952
		19	BC. Quỳnh Xuân	44953
		20	BĐVHX Quỳnh Lộc 2	44954

DANH MỤC MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
42			**TỈNH NINH BÌNH**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Ninh Bình	08000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	08001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	08002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	08003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	08004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	08005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	08009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	08010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	08011
		10	Báo Ninh Bình	08016
		11	Hội đồng nhân dân	08021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	08030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	08035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	08036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	08040
		16	Sở Công Thương	08041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	08042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	08043
		19	Sở Tài chính	08045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	08046
		21	Sở Văn hoá và Thể thao	08047
		22	Sở Du lịch	08048
		23	Công an tỉnh	08049
		24	Sở Nội vụ	08051
		25	Sở Tư pháp	08052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	08053
		27	Sở Giao thông vận tải	08054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	08055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	08056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	08057
		31	Sở Xây dựng	08058
		32	Sở Y tế	08060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	08061
		34	Ban Dân tộc	08062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	08063
		36	Thanh tra tỉnh	08064
		37	Trường chính trị tỉnh	08065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	08066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	08067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	08070
		41	Cục Thuế	08078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Hải quan	08079
		43	Cục Thống kê	08080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	08081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	08085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	08086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	08087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	08088
		49	Hội Nông dân tỉnh	08089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	08090
		51	Tỉnh đoàn	08091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	08092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	08093
	1		**THÀNH PHỐ NINH BINH**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Ninh Bình	08100
		2	Thành ủy	08101
		3	Hội đồng nhân dân	08102
		4	Ủy ban nhân dân	08103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08104
		6	P. Thanh Bình	08106
		7	P. Vân Giang	08107
		8	P. Nam Bình	08108
		9	P. Ninh Phong	08109
		10	P. Ninh Sơn	08110
		11	X. Ninh Phúc	08111
		12	P. Bích Đào	08112
		13	P. Đông Thành	08113
		14	P. Ninh Khánh	08114
		15	X. Ninh Nhất	08115
		16	P. Tân Thành	08116
		17	P. Phúc Thành	08117
		18	P. Nam Thành	08118
		19	X. Ninh Tiến	08119
		20	BCP. Ninh Bình	08050
		21	BC. KHL Ninh Bình	08051
		22	BC. Tân Thành	08052
		23	BC. Phúc Khánh	08053
		24	BC. Hệ 1 Ninh Bình	08099
	2		**HUYỆN HOA LƯ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hoa Lư	08200
		2	Huyện ủy	08201
		3	Hội đồng nhân dân	08202
		4	Ủy ban nhân dân	08203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08204
		6	TT. Thiên Tôn	08206
		7	X. Ninh Khang	08207

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		8	X. Ninh Giang	08208
		9	X. Ninh Mỹ	08209
		10	X. Ninh Hòa	08210
		11	X. Trường Yên	08211
		12	X. Ninh Xuân	08212
		13	X. Ninh Hải	08213
		14	X. Ninh Thắng	08214
		15	X. Ninh Vân	08215
		16	X. Ninh An	08216
		17	BCP. Hoa Lư	08250
		18	BC. Trường Yên	08251
		19	BC. Bích Động	08252
		20	BC. Cầu Yên	08253
	3		**HUYỆN GIA VIỄN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Gia Viễn	08300
		2	Huyện ủy	08301
		3	Hội đồng nhân dân	08302
		4	Ủy ban nhân dân	08303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08304
		6	TT. Me	08306
		7	X. Gia Xuân	08307
		8	X. Gia Trấn	08308
		9	X. Gia Thanh	08309
		10	X. Gia Vân	08310
		11	X. Gia Hòa	08311
		12	X. Gia Hưng	08312
		13	X. Liên Sơn	08313
		14	X. Gia Phú	08314
		15	X. Gia Thịnh	08315
		16	X. Gia Vượng	08316
		17	X. Gia Phương	08317
		18	X. Gia Lập	08318
		19	X. Gia Tân	08319
		20	X. Gia Thắng	08320
		21	X. Gia Trung	08321
		22	X. Gia Tiến	08322
		23	X. Gia Lạc	08323
		24	X. Gia Minh	08324
		25	X. Gia Phong	08325
		26	X. Gia Sinh	08326
		27	BCP. Gia Viễn	08350
		28	BC. Gián Khẩu	08351
	4		**HUYỆN NHO QUAN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Nho Quan	08400
		2	Huyện ủy	08401

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		3	Hội đồng nhân dân	08402
		4	Ủy ban nhân dân	08403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08404
		6	TT. Nho Quan	08406
		7	X. Lạng Phong	08407
		8	X. Lạc Vân	08408
		9	X. Đức Long	08409
		10	X. Gia Tường	08410
		11	X. Gia Thủy	08411
		12	X. Gia Lâm	08412
		13	X. Gia Sơn	08413
		14	X. Xích Thổ	08414
		15	X. Thạch Bình	08415
		16	X. Phú Sơn	08416
		17	X. Đồng Phong	08417
		18	X. Yên Quang	08418
		19	X. Văn Phong	08419
		20	X. Thượng Hòa	08420
		21	X. Thanh Lạc	08421
		22	X. Sơn Thành	08422
		23	X. Sơn Lai	08423
		24	X. Sơn Hà	08424
		25	X. Quỳnh Lưu	08425
		26	X. Phú Lộc	08426
		27	X. Văn Phú	08427
		28	X. Văn Phương	08428
		29	X. Cúc Phương	08429
		30	X. Kỳ Phú	08430
		31	X. Phú Long	08431
		32	X. Quảng Lạc	08432
		33	BCP. Nho Quan	08450
		34	BC. Ỷ Na	08451
		35	BC. Quỳnh Sơn	08452
		36	BC. Rịa	08453
		37	BĐVHX Trung tâm vùng cao	08454
	5		**THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Tam Điệp	08500
		2	Thành ủy	08501
		3	Hội đồng nhân dân	08502
		4	Ủy ban nhân dân	08503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08504
		6	P. Bắc Sơn	08506
		7	P. Trung Sơn	08507
		8	P. Yên Bình	08508
		9	P. Tân Bình	08509

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		10	X. Yên Sơn	08510
		11	X. Quang Sơn	08511
		12	P. Tây Sơn	08512
		13	P. Nam Sơn	08513
		14	X. Đông Sơn	08514
		15	BCP. Tam Điệp	08550
		16	BĐVHX Gềnh	08551
		17	BĐVHX Quang Sơn 2	08552
		18	BĐVHX Nông Trường Chè	08553
	6		**HUYỆN YÊN MÔ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Yên Mô	08600
		2	Huyện ủy	08601
		3	Hội đồng nhân dân	08602
		4	Ủy ban nhân dân	08603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08604
		6	TT. Yên Thịnh	08606
		7	X. Yên Phong	08607
		8	X. Khánh Thịnh	08608
		9	X. Khánh Dương	08609
		10	X. Khánh Thượng	08610
		11	X. Mai Sơn	08611
		12	X. Yên Thắng	08612
		13	X. Yên Hòa	08613
		14	X. Yên Hưng	08614
		15	X. Yên Từ	08615
		16	X. Yên Nhân	08616
		17	X. Yên Mỹ	08617
		18	X. Yên Thành	08618
		19	X. Yên Mạc	08619
		20	X. Yên Đồng	08620
		21	X. Yên Thái	08621
		22	X. Yên Lâm	08622
		23	BCP. Yên Mô	08650
		24	BC. Yên Phong	08651
		25	BC. Thanh Sơn	08652
		26	BC. Chợ Bút	08653
	7		**HUYỆN KIM SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Kim Sơn	08700
		2	Huyện ủy	08701
		3	Hội đồng nhân dân	08702
		4	Ủy ban nhân dân	08703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08704
		6	TT. Phát Diệm	08706
		7	X. Hùng Tiến	08707
		8	X. Quang Thiện	08708

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		9	X. Như Hòa	08709
		10	X. Ân Hòa	08710
		11	X. Kim Định	08711
		12	X. Hồi Ninh	08712
		13	X. Chất Bình	08713
		14	X. Chính Tâm	08714
		15	X. Xuân Thiện	08715
		16	X. Yên Mật	08716
		17	X. Đồng Hướng	08717
		18	X. Kim Chính	08718
		19	X. Thượng Kiệm	08719
		20	X. Lưu Phương	08720
		21	X. Tân Thành	08721
		22	X. Yên Lộc	08722
		23	X. Lai Thành	08723
		24	X. Định Hóa	08724
		25	X. Văn Hải	08725
		26	X. Kim Tân	08726
		27	X. Kim Mỹ	08727
		28	X. Cồn Thoi	08728
		29	X. Kim Hải	08729
		30	X. Kim Trung	08730
		31	X. Kim Đông	08731
		32	TT. Bình Minh	08732
		33	BCP. Kim Sơn	08750
		34	BC. Quy Hậu	08751
		35	BC. Yên Hòa	08752
		36	BC. Bình Minh	08753
		37	BĐVHX Lai Thành 2	08754
	8		**HUYỆN YÊN KHÁNH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Yên Khánh	08800
		2	Huyện ủy	08801
		3	Hội đồng nhân dân	08802
		4	Ủy ban nhân dân	08803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	08804
		6	TT. Yên Ninh	08806
		7	X. Khánh Lợi	08807
		8	X. Khánh Thiện	08808
		9	X. Khánh Tiên	08809
		10	X. Khánh Hải	08810
		11	X. Khánh Cư	08811
		12	X. Khánh An	08812
		13	X. Khánh Phú	08813
		14	X. Khánh Hòa	08814
		15	X. Khánh Vân	08815

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		16	X. Khánh Mậu	08816
		17	X. Khánh Cường	08817
		18	X. Khánh Trung	08818
		19	X. Khánh Hội	08819
		20	X. Khánh Hồng	08820
		21	X. Khánh Nhạc	08821
		22	X. Khánh Thủy	08822
		23	X. Khánh Công	08823
		24	X. Khánh Thành	08824
		25	BCP. Yên Khánh	08850
		26	BC. Chợ Xanh	08851
		27	BC. Khánh Phú	08852
		28	BC. Chợ Cát	08853
		29	BC. Khánh Nhạc	08854

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
43			**TỈNH NINH THUẬN**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Ninh Thuận	59000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	59001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	59002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	59003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	59004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	59005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	59009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	59010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	59011
		10	Báo Ninh Thuận	59016
		11	Hội đồng nhân dân	59021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	59030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	59035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	59036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	59040
		16	Sở Công Thương	59041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	59042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	59043
		19	Sở Tài chính	59045
		20	Sở Thông tin và Truyền thông	59046
		21	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	59047
		22	Công an tỉnh	59049
		23	Sở Nội vụ	59051
		24	Sở Tư pháp	59052
		25	Sở Giáo dục và Đào tạo	59053
		26	Sở Giao thông vận tải	59054
		27	Sở Khoa học và Công nghệ	59055
		28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	59056
		29	Sở Tài nguyên và Môi trường	59057
		30	Sở Xây dựng	59058
		31	Sở Y tế	59060
		32	Bộ chỉ huy Quân sự	59061
		33	Ban Dân tộc	59062
		34	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	59063
		35	Thanh tra tỉnh	59064
		36	Trường chính trị tỉnh	59065
		37	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	59066
		38	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	59067
		39	Bảo hiểm xã hội tỉnh	59070
		40	Cục Thuế	59078
		41	Cục Hải quan	59079

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		42	Cục Thống kê	59080
		43	Kho bạc Nhà nước tỉnh	59081
		44	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	59085
		45	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	59086
		46	Liên hiệp các IHội Văn học nghệ thuật	59087
		47	Liên đoàn Lao động tỉnh	59088
		48	Hội Nông dân tỉnh	59089
		49	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	59090
		50	Tỉnh đoàn	59091
		51	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	59092
		52	Hội Cựu chiến binh tỉnh	59093
	1		**THÀNH PHỐ PHAN RANG THÁP CHÀM**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Phan Rang Tháp Chàm	59100
		2	Thành ủy	59101
		3	Hội đồng nhân dân	59102
		4	Ủy ban nhân dân	59103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	59104
		6	P. Mỹ Hương	59106
		7	P. Kinh Dinh	59107
		8	P. Thanh Sơn	59108
		9	P. Phủ Hà	59109
		10	P. Đạo Long	59110
		11	P. Tấn Tài	59111
		12	P. Mỹ Hải	59112
		13	P. Mỹ Bình	59113
		14	P. Văn Hải	59114
		15	P. Đài Sơn	59115
		16	P. Phước Mỹ	59116
		17	P. Bảo An	59117
		18	P. Mỹ Đông	59118
		19	P. Đông Hải	59119
		20	X. Thành Hải	59120
		21	P. Đô Vinh	59121
		22	BCP. Ninh Thuận	59150
		23	BC. Hùng Vương	59151
		24	BC. 16 tháng 4	59152
		25	BC. Tháp Chàm	59153
		26	BC. HCC-KHL	59198
		27	BC. Hệ 1 Ninh Thuận	59199
	2		**HUYỆN NINH HẢI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ninh Hải	59200
		2	Huyện ủy	59201
		3	Hội đồng nhân dân	59202
		4	Ủy ban nhân dân	59203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	59204

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		6	TT. Khánh Hải	59206
		7	X. Tri Hải	59207
		8	X. Phương Hải	59208
		9	X. Tân Hải	59209
		10	X. Xuân Hải	59210
		11	X. Hộ Hải	59211
		12	X. Nhơn Hải	59212
		13	X. Thanh Hải	59213
		14	X. Vĩnh Hải	59214
		15	BCP. Ninh Hải	59250
		16	BC. Hộ Hải	59251
		17	BC. Nhơn Hải	59252
		18	BĐVHX Xuân Hải 2	59253
	3		**HUYỆN THUẬN BẮC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thuận Bắc	59300
		2	Huyện ủy	59301
		3	Hội đồng nhân dân	59302
		4	Ủy ban nhân dân	59303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	59304
		6	X. Lợi Hải	59306
		7	X. Công IIải	59307
		8	X. Phước Chiến	59308
		9	X. Phước Kháng	59309
		10	X. Bắc Phong	59310
		11	X. Bắc Sơn	59311
		12	BCP. Thuận Bắc	59350
	4		**HUYỆN BÁC ÁI**	
		1	BC. Trung tâm huyện Bác Ái	59400
		2	Huyện ủy	59401
		3	Hội đồng nhân dân	59402
		4	Ủy ban nhân dân	59403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	59404
		6	X. Phước Đại	59406
		7	X. Phước Tiến	59407
		8	X. Phước Bình	59408
		9	X. Phước Hòa	59409
		10	X. Phước Tân	59410
		11	X. Phước Thắng	59411
		12	X. Phước Chính	59412
		13	X. Phước Trung	59413
		14	X. Phước Thành	59414
		15	BCP. Bác Ái	59450
	5		**HUYỆN NINH SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ninh Sơn	59500
		2	Huyện ủy	59501

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		3	Hội đồng nhân dân	59502
		4	Ủy ban nhân dân	59503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	59504
		6	TT. Tân Sơn	59506
		7	X. Lương Sơn	59507
		8	X. Lâm Sơn	59508
		9	X. Quảng Sơn	59509
		10	X. Hòa Sơn	59510
		11	X. Mỹ Sơn	59511
		12	X. Nhơn Sơn	59512
		13	X. Ma Nới	59513
		14	BCP. Ninh Sơn	59550
		15	BC. Quãng Sơn	59551
		16	BC. Nhơn Sơn	59552
	6		**HUYỆN NINH PHƯỚC**	
		1	BC. Trung tâm huyện Ninh Phước	59600
		2	Huyện ủy	59601
		3	Hội đồng nhân dân	59602
		4	Ủy ban nhân dân	59603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	59604
		6	TT. Phước Dân	59606
		7	X. An Hải	59607
		8	X. Phước Thuận	59608
		9	X. Phước Hậu	59609
		10	X. Phước Sơn	59610
		11	X. Phước Vinh	59611
		12	X. Phước Thái	59612
		13	X. Phước Hữu	59613
		14	X. Phước Hải	59614
		15	BCP. Ninh Phước	59650
		16	BĐVHX An Hải 2	59651
		17	BĐVHX An Hải 3	59652
		18	BĐVHX Phước Hải 2	59653
	7		**HUYỆN THUẬN NAM**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thuận Nam	59700
		2	Huyện ủy	59701
		3	Hội đồng nhân dân	59702
		4	Ủy ban nhân dân	59703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	59704
		6	X. Phước Nam	59706
		7	X. Phước Hà	59707
		8	X. Nhị Hà	59708
		9	X. Phước Ninh	59709
		10	X. Phước Minh	59710
		11	X. Cà Ná	59711

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
		12	X. Phước Diêm	59712
		13	X. Phước Dinh	59713
		14	BCP. Thuận Nam	59750
		15	BC. Cà Ná	59751
		16	BC. Phước Diêm	59752
		17	BĐVHX Phước Dinh 2	59753

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
44			**TỈNH PHÚ THỌ**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Phú Thọ	35000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	35001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	35002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	35003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	35004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	35005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	35009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	35010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	35011
		10	Báo Phú Thọ	35016
		11	Hội đồng nhân dân	35021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	35030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	35035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	35036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	35040
		16	Sở Công Thương	35041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	35042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	35043
		19	Sở Ngoại vụ	35044
		20	Sở Tài chính	35045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	35046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	35047
		23	Công an tỉnh	35049
		24	Sở Nội vụ	35051
		25	Sở Tư pháp	35052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	35053
		27	Sở Giao thông vận tải	35054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	35055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	35057
		31	Sở Xây dựng	35058
		32	Sở Y tế	35060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	35061
		34	Ban Dân tộc	35062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	35063
		36	Thanh tra tỉnh	35064
		37	Trường chính trị tỉnh	35065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	35066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	35067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	35070
		41	Cục Thuế	35078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Chi cục Hải quan	35079
		43	Cục Thống kê	35080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	35081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	35085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	35086
		47	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	35087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	35088
		49	Hội Nông dân tỉnh	35089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	35090
		51	Tỉnh Đoàn	35091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	35092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	35093
	1		**THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Việt Trì	35100
		2	Thành ủy	35101
		3	Hội đồng nhân dân	35102
		4	Ủy ban nhân dân	35103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35104
		6	P. Thọ Sơn	35106
		7	P. Thanh Miếu	35107
		8	X. Sông Lô	35108
		9	X. Trưng Vương	35109
		10	P. Dữu Lâu	35110
		11	X. Phượng Lâu	35111
		12	X. Hùng Lô	35112
		13	X. Kim Đức	35113
		14	X. Hy Cương	35114
		15	X. Chu Hóa	35115
		16	X. Thanh Dình	35116
		17	X. Thụy Vân	35117
		18	P. Vân Phú	35118
		19	P. Vân Cơ	35119
		20	P. Nông Trang	35120
		21	P. Minh Phương	35121
		22	X. Tân Đức	35122
		23	P. Minh Nông	35123
		24	P. Gia Cẩm	35124
		25	P. Tân Dân	35125
		26	P. Tiên Cát	35126
		27	P. Bến Gót	35127
		28	P. Bạch Hạc	35128
		29	BCP. Việt Trì	35150
		30	BC. KHL Phú Thọ	35151
		31	BC. Đền Hùng	35152

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		32	BC. Vân Cơ	35153
		33	BC. Nông Trang	35154
		34	BC. Tân Dân	35155
		35	BC. Ga Việt Trì	35156
		36	BC. Bạch Hạc	35157
		37	BC. Hệ 1 Phú Thọ	35199
	2		**HUYỆN PHÙ NINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phù Ninh	35200
		2	Huyện ủy	35201
		3	Hội đồng nhân dân	35202
		4	Ủy ban nhân dân	35203
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35204
		6	TT. Phong Châu	35206
		7	X. Phú Nham	35207
		8	X. Tiên Du	35208
		9	X. Gia Thanh	35209
		10	X. Hạ Giáp	35210
		11	X. Bảo Thanh	35211
		12	X. Trị Quận	35212
		13	X. Lệ Mỹ	35213
		14	X. Phú Mỹ	35214
		15	X. Liên Hoa	35215
		16	X. Trạm Thản	35216
		17	X. Tiên Phú	35217
		18	X. Trung Giáp	35218
		19	X. Phú Lộc	35219
		20	X. Phù Ninh	35220
		21	X. An Đạo	35221
		22	X. Bình Bộ	35222
		23	X. Tử Đà	35223
		24	X. Vĩnh Phú	35224
		25	BCP. Phù Ninh	35230
		26	BC. Phú Lộc	35231
	3		**HUYỆN LÂM THAO**	
		1	BC. Trung tâm huyện Lâm Thao	35250
		2	Huyện ủy	35251
		3	Hội đồng nhân dân	35252
		4	Ủy ban nhân dân	35253
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35254
		6	TT. Lâm Thao	35256
		7	X. Thạch Sơn	35257
		8	TT. Hùng Sơn	35258
		9	X. Tiên Kiên	35259
		10	X. Xuân Lũng	35260

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		11	X. Xuân Huy	35261
		12	X. Hợp Hải	35262
		13	X. Kinh Kệ	35263
		14	X. Sơn Dương	35264
		15	X. Tứ Xã	35265
		16	X. Bản Nguyên	35266
		17	X. Vĩnh Lại	35267
		18	X. Cao Xá	35268
		19	X. Sơn Vi	35269
		20	BCP. Lâm Thao	35275
		21	BC. Tiên Kiên	35276
	4		**HUYỆN ĐOAN HÙNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đoan Hùng	35300
		2	Huyện ủy	35301
		3	Hội đồng nhân dân	35302
		4	Ủy ban nhân dân	35303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35304
		6	TT. Đoan Hùng	35306
		7	X. Hữu Đô	35307
		8	X. Chí Đám	35308
		9	X. Vân Du	35309
		10	X. Hùng Quan	35310
		11	X. Nghinh Xuyên	35311
		12	X. Đông Khê	35312
		13	X. Bằng Luân	35313
		14	X. Minh Lương	35314
		15	X. Bằng Doãn	35315
		16	X. Quế Lâm	35316
		17	X. Phương Trung	35317
		18	X. Phong Phú	35318
		19	X. Tây Cốc	35319
		20	X. Phúc Lai	35320
		21	X. Ca Đình	35321
		22	X. Ngọc Quan	35322
		23	X. Sóc Đăng	35323
		24	X. Đại Nghĩa	35324
		25	X. Phú Thứ	35325
		26	X. Hùng Long	35326
		27	X. Vân Đồn	35327
		28	X. Yên Kiện	35328
		29	X. Tiêu Sơn	35329
		30	X. Minh Tiến	35330
		31	X. Chân Mộng	35331
		32	X. Minh Phú	35332

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		33	X. Vụ Quang	35333
		34	BCP. Đoan Hùng	35350
		35	BC. Tây Cốc	35351
		36	BC. Cầu Hai	35352
	5		**HUYỆN HẠ HÒA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Hạ Hòa	35400
		2	Huyện ủy	35401
		3	Hội đồng nhân dân	35402
		4	Ủy ban nhân dân	35403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35404
		6	TT. Hạ Hoà	35406
		7	X. Ấm Hạ	35407
		8	X. Gia Điền	35408
		9	X. Hà Lương	35409
		10	X. Đại Phạm	35410
		12	X. Đan Hà	35411
		13	X. Hậu Bổng	35412
		14	X. Liên Phương	35413
		15	X. Đan Thượng	35414
		16	X. Lệnh Khanh	35415
		17	X. Phụ Khánh	35416
		18	X. Y Sơn	35417
		19	X. Lâm Lợi	35418
		20	X. Động Lâm	35419
		21	X. Hiền Lương	35420
		22	X. Quân Khê	35421
		23	X. Xuân Áng	35422
		24	X. Chuế Lưu	35423
		25	X. Bằng Giã	35424
		26	X. Vô Tranh	35425
		27	X. Văn Lang	35426
		28	X. Minh Côi	35427
		29	X. Mai Tùng	35428
		30	X. Vĩnh Chân	35429
		31	X. Vụ Cầu	35430
		32	X. Yên Luật	35431
		33	X. Lang Sơn	35432
		34	X. Minh Hạc	35433
		35	X. Hương Xạ	35434
		36	X. Chính Công	35435
		37	X. Yên Kỳ	35436
		38	X. Cáo Điền	35437
		39	X. Phương Viên	35438
		40	BCP. Hạ Hòa	35450

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		41	BC. Xuân Áng	35451
	6		**HUYỆN YÊN LẬP**	
		1	BC. Trung tâm huyện Yên Lập	35500
		2	Huyện ủy	35501
		3	Hội đồng nhân dân	35502
		4	Ủy ban nhân dân	35503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35504
		6	TT. Yên Lập	35506
		7	X. Hưng Long	35507
		8	X. Xuân Thủy	35508
		9	X. Xuân Viên	35509
		10	X. Xuân An	35510
		11	X. Lương Sơn	35511
		12	X. Mỹ Lương	35512
		13	X. Mỹ Lung	35513
		14	X. Trung Sơn	35514
		15	X. Nga Hoàng	35515
		16	X. Thượng Long	35516
		17	X. Đồng Thịnh	35517
		18	X. Phúc Khánh	35518
		19	X. Ngọc Lập	35519
		20	X. Ngọc Đồng	35520
		21	X. Minh Hòa	35521
		22	X. Đồng Lạc	35522
		23	BCP. Yên Lập	35530
	7		**HUYỆN TÂN SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tân Sơn	35550
		2	Huyện ủy	35551
		3	Hội đồng nhân dân	35552
		4	Ủy ban nhân dân	35553
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35554
		6	X. Tân Phú	35556
		7	X. Thu Ngạc	35557
		8	X. Thạch Kiệt	35558
		9	X. Thu Cúc	35559
		10	X. Đồng Sơn	35560
		11	X. Lai Đồng	35561
		12	X. Kiệt Sơn	35562
		13	X. Tân Sơn	35563
		14	X. Xuân Đài	35564
		15	X. Xuân Sơn	35565
		16	X. Kim Thượng	35566
		17	X. Vinh Tiền	35567
		18	X. Tam Thanh	35568

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		19	X. Long Cốc	35569
		20	X. Văn Luông	35570
		21	X. Minh Đài	35571
		22	X. Mỹ Thuận	35572
		23	BCP. Tân Sơn	35580
	8		**HUYỆN CẨM KHÊ**	
		1	BC. Trung tâm huyện Cẩm Khê	35600
		2	Huyện ủy	35601
		3	Hội đồng nhân dân	35602
		4	Ủy ban nhân dân	35603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35604
		6	TT. Sông Thao	35606
		7	X. Sai Nga	35607
		8	X. Sơn Nga	35608
		9	X. Phùng Xá	35609
		10	X. Phương Xá	35610
		11	X. Đồng Cam	35611
		12	X. Tuy Lộc	35612
		13	X. Ngô Xá	35613
		14	X. Tiên Lương	35614
		15	X. Phượng Vĩ	35615
		16	X. Thụy Liễu	35616
		17	X. Tam Sơn	35617
		18	X. Văn Bán	35618
		19	X. Tùng Khê	35619
		20	X. Cấp Dẫn	35620
		21	X. Xương Thịnh	35621
		22	X. Thanh Nga	35622
		23	X. Phú Khê	35623
		24	X. Sơn Tình	35624
		25	X. Hương Lung	35625
		26	X. Tạ Xá	35626
		27	X. Chương Xá	35627
		28	X. Văn Khúc	35628
		29	X. Yên Dưỡng	35629
		30	X. Đồng Lương	35630
		31	X. Điêu Lương	35631
		32	X. Cát Trù	35632
		33	X. Hiền Đa	35633
		34	X. Tình Cương	35634
		35	X. Phú Lạc	35635
		36	X. Yên Tập	35636
		37	BCP. Cẩm Khê	35650
		38	BC. Phương Xá	35651

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		39	BC. Phú Lạc	35652
	9		**HUYỆN THANH BA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thanh Ba	35700
		2	Huyện ủy	35701
		3	Hội đồng nhân dân	35702
		4	Ủy ban nhân dân	35703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35704
		6	TT. Thanh Ba	35706
		7	X. Thái Ninh	35707
		8	X. Đại An	35708
		9	X. Đông Lĩnh	35709
		10	X. Thanh Vân	35710
		11	X. Hanh Cù	35711
		12	X. Vân Lĩnh	35712
		13	X. Đồng Xuân	35713
		14	X. Yển Khê	35714
		15	X. Yên Nội	35715
		16	X. Phương Lĩnh	35716
		17	X. Vũ Yển	35717
		18	X. Mạn Lạn	35718
		19	X. Thanh Xá	35719
		20	X. Hoàng Cương	35720
		21	X. Chí Tiên	35721
		22	X. Sơn Cương	35722
		23	X. Thanh Hà	35723
		24	X. Đỗ Sơn	35724
		25	X. Đỗ Xuyên	35725
		26	X. Lương Lỗ	35726
		27	X. Đông Thành	35727
		28	X. Võ Lao	35728
		29	X. Khải Xuân	35729
		30	X. Năng Yên	35730
		31	X. Quảng Nạp	35731
		32	X. Ninh Dân	35732
		33	BCP. Thanh Ba	35750
	10		**HUYỆN THANH SƠN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thanh Sơn	35800
		2	Huyện ủy	35801
		3	Hội đồng nhân dân	35802
		4	Ủy ban nhân dân	35803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35804
		6	TT. Thanh Sơn	35806
		7	X. Sơn Hùng	35807
		8	X. Thục Luyện	35808

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		9	X. Địch Quả	35809
		10	X. Võ Miếu	35810
		11	X. Cự Thắng	35811
		12	X. Văn Miếu	35812
		13	X. Tân Minh	35813
		14	X. Khả Cửu	35814
		15	X. Đông Cửu	35815
		16	X. Thượng Cửu	35816
		17	X. Tân Lập	35817
		18	X. Yên Lương	35818
		19	X. Yên Sơn	35819
		20	X. Tinh Nhuệ	35820
		21	X. Lương Nha	35821
		22	X. Yên Lãng	35822
		23	X. Hương Cần	35823
		24	X. Thắng Sơn	35824
		25	X. Cự Đồng	35825
		26	X. Tất Thắng	35826
		27	X. Thạch Khoán	35827
		28	X. Giáp Lai	35828
		29	BCP. Thanh Sơn	35835
	11		**HUYỆN THANH THỦY**	
		1	BC. Trung tâm huyện Thanh Thủy	35850
		2	Huyện ủy	35851
		3	Hội đồng nhân dân	35852
		4	Ủy ban nhân dân	35853
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35854
		6	TT. Thanh Thủy	35856
		7	X. Tân Phương	35857
		8	X. Thạch Đồng	35858
		9	X. Xuân Lộc	35859
		10	X. Đào Xá	35860
		11	X. Sơn Thủy	35861
		12	X. Hoàng Xá	35862
		13	X. Trung Thịnh	35863
		14	X. Trung Nghĩa	35864
		15	X. Phượng Mao	35865
		16	X. Yến Mao	35866
		17	X. Tu Vũ	35867
		18	X. Đồng Luận	35868
		19	X. Đoan Hạ	35869
		20	X. Bảo Yên	35870
		21	BCP. Thanh Thủy	35880
		22	BC. Hoàng Xá	35881

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	12		**THỊ XÃ PHÚ THỌ**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Phú Thọ	35900
		2	Thị ủy	35901
		3	Hội đồng nhân dân	35902
		4	Ủy ban nhân dân	35903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35904
		6	P. Âu Cơ	35906
		7	P. Phong Châu	35907
		8	X. Hà Thạch	35908
		9	X. Phú Hộ	35909
		10	X. Hà Lộc	35910
		11	X. Văn Lung	35911
		12	P. Thanh Vinh	35912
		13	P. Trường Thịnh	35913
		14	P. Hùng Vương	35914
		15	X. Thanh Minh	35915
		16	BCP. Phú Thọ	35925
		17	BC. Hùng Vương	35926
		18	BC. Phú Hộ	35927
		19	BC. Thanh Vinh	35928
	13		**HUYỆN TAM NÔNG**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tam Nông	35950
		2	Huyện ủy	35951
		3	Hội đồng nhân dân	35952
		4	Ủy ban nhân dân	35953
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	35954
		6	TT. Hưng Hoá	35956
		7	X. Hương Nộn	35957
		8	X. Cổ Tiết	35958
		9	X. Tam Cường	35959
		10	X. Văn Lương	35960
		11	X. Thanh Uyên	35961
		12	X. Hiền Quan	35962
		13	X. Vực Trường	35963
		14	X. Hương Nha	35964
		15	X. Xuân Quang	35965
		16	X. Tứ Mỹ	35966
		17	X. Hùng Đô	35967
		18	X. Phương Thịnh	35968
		19	X. Quang Húc	35969
		20	X. Tề Lễ	35970
		21	X. Thọ Văn	35971
		22	X. Dị Nậu	35972
		23	X. Dậu Dương	35973

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		24	X. Thượng Nông	35974
		25	X. Hồng Đà	35975
		26	BCP. Tam Nông	35980
		27	BC. Cổ Tiết	35981
		28	BĐVHX Thọ Văn 2	35982

MÃ BƯU CHÍNH QUỐC GIA

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
45			**TỈNH PHÚ YÊN**	
		1	BC. Trung tâm tỉnh Phú Yên	56000
		2	Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy	56001
		3	Ban Tổ chức tỉnh ủy	56002
		4	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	56003
		5	Ban Dân vận tỉnh ủy	56004
		6	Ban Nội chính tỉnh ủy	56005
		7	Đảng ủy khối cơ quan	56009
		8	Tỉnh ủy và Văn phòng tỉnh ủy	56010
		9	Đảng ủy khối doanh nghiệp	56011
		10	Báo Phú Yên	56016
		11	Hội đồng nhân dân	56021
		12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội	56030
		13	Tòa án nhân dân tỉnh	56035
		14	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	56036
		15	Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân	56040
		16	Sở Công Thương	56041
		17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	56042
		18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	56043
		19	Sở Ngoại vụ	56044
		20	Sở Tài chính	56045
		21	Sở Thông tin và Truyền thông	56046
		22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	56047
		23	Công an tỉnh	56049
		24	Sở Nội vụ	56051
		25	Sở Tư pháp	56052
		26	Sở Giáo dục và Đào tạo	56053
		27	Sở Giao thông vận tải	56054
		28	Sở Khoa học và Công nghệ	56055
		29	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56056
		30	Sở Tài nguyên và Môi trường	56057
		31	Sở Xây dựng	56058
		32	Sở Y tế	56060
		33	Bộ chỉ huy Quân sự	56061
		34	Ban Dân tộc	56062
		35	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	56063
		36	Thanh tra tỉnh	56064
		37	Trường chính trị tỉnh	56065
		38	Cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam	56066
		39	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	56067
		40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	56070
		41	Cục Thuế	56078

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		42	Chi Cục Hải quan	56079
		43	Cục Thống kê	56080
		44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	56081
		45	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	56085
		46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	56086
		47	Hội Văn học nghệ thuật	56087
		48	Liên đoàn Lao động tỉnh	56088
		49	Hội Nông dân tỉnh	56089
		50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	56090
		51	Tỉnh Đoàn	56091
		52	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	56092
		53	Hội Cựu chiến binh tỉnh	56093
	1		**THÀNH PHỐ TUY HÒA**	
		1	BC. Trung tâm thành phố Tuy Hòa	56100
		2	Thành ủy	56101
		3	Hội đồng nhân dân	56102
		4	Ủy ban nhân dân	56103
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56104
		6	P. 1	56106
		7	X. Bình Ngọc	56107
		8	P. Phú Lâm	56108
		9	P. Phú Thạnh	56109
		10	P. Phú Đông	56110
		11	P. 6	56111
		12	P. 4	56112
		13	P. 3	56113
		14	P. 2	56114
		15	P. 5	56115
		16	P. 8	56116
		17	P. 9	56117
		18	P. 7	56118
		19	X. Bình Kiến	56119
		20	X. An Phú	56120
		21	X. Hòa Kiến	56121
		22	BCP. Tuy Hòa	56150
		23	BC. Kinh Doanh Tiếp Thị	56151
		24	BC. Nguyễn Huệ	56152
		25	BC. Phú Lâm	56153
		26	BC. Hệ 1 Phú Yên	56199
	2		**HUYỆN TUY AN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tuy An	56200
		2	Huyện ủy	56201
		3	Hội đồng nhân dân	56202
		4	Ủy ban nhân dân	56203

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56204
		6	TT. Chí Thạnh	56206
		7	X. An Cư	56207
		8	X. An Thạch	56208
		9	X. An Ninh Tây	56209
		10	X. An Dân	56210
		11	X. An Định	56211
		12	X. An Nghiệp	56212
		13	X. An Xuân	56213
		14	X. An Lĩnh	56214
		15	X. An Thọ	56215
		16	X. An Chấn	56216
		17	X. An Mỹ	56217
		18	X. An Hiệp	56218
		19	X. An Hòa	56219
		20	X. An Hải	56220
		21	X. An Ninh Đông	56221
		22	BCP. Tuy An	56250
		23	BC. Hòa Đa	56251
	3		**THỊ XÃ SÔNG CẦU**	
		1	BC. Trung tâm thị xã Sông Cầu	56300
		2	Thị ủy	56301
		3	Hội đồng nhân dân	56302
		4	Ủy ban nhân dân	56303
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56304
		6	P. Xuân Phú	56306
		7	P. Xuân Thành	56307
		8	P. Xuân Đài	56308
		9	X. Xuân Thọ 2	56309
		10	X. Xuân Thọ 1	56310
		11	X. Xuân Lâm	56311
		12	P. Xuân Yên	56312
		13	X. Xuân Phương	56313
		14	X. Xuân Thịnh	56314
		15	X. Xuân Cảnh	56315
		16	X. Xuân Hòa	56316
		17	X. Xuân Bình	56317
		18	X. Xuân Lộc	56318
		19	X. Xuân Hải	56319
		20	BCP. Sông Cầu	56350
		21	BC. Bình Thạnh	56351
	4		**HUYỆN ĐỒNG XUÂN**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đồng Xuân	56400
		2	Huyện ủy	56401

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		3	Hội đồng nhân dân	56402
		4	Ủy ban nhân dân	56403
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56404
		6	TT. La Hai	56406
		7	X. Xuân Sơn Bắc	56407
		8	X. Xuân Sơn Nam	56408
		9	X. Xuân Quang 3	56409
		10	X. Xuân Phước	56410
		11	X. Xuân Quang 1	56411
		12	X. Xuân Quang 2	56412
		13	X. Xuân Long	56413
		14	X. Đa Lộc	56414
		15	X. Xuân Lãnh	56415
		16	X. Phú Mỡ	56416
		17	BCP. Đồng Xuân	56450
	5		**HUYỆN SƠN HÒA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sơn Hòa	56500
		2	Huyện ủy	56501
		3	Hội đồng nhân dân	56502
		4	Ủy ban nhân dân	56503
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56504
		6	TT. Củng Sơn	56506
		7	X. Suối Bạc	56507
		8	X. Sơn Hà	56508
		9	X. Sơn Nguyên	56509
		10	X. Sơn Xuân	56510
		11	X. Sơn Long	56511
		12	X. Sơn Định	56512
		13	X. Sơn Hội	56513
		14	X. Phước Tân	56514
		15	X. Cà Lúi	56515
		16	X. Sơn Phước	56516
		17	X. Eachà Rang	56517
		18	X. Suối Trai	56518
		19	X. Krông Pa	56519
		20	BCP. Sơn Hoà	56550
		21	BC. Ngân Điền	56551
	6		**HUYỆN SÔNG HINH**	
		1	BC. Trung tâm huyện Sông Hinh	56600
		2	Huyện ủy	56601
		3	Hội đồng nhân dân	56602
		4	Ủy ban nhân dân	56603
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56604
		6	TT. Hai Riêng	56606

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		7	X. EaBia	56607
		8	X. Đức Bình Tây	56608
		9	X. Sơn Giang	56609
		10	X. Đức Bình Đông	56610
		11	X. Sông Hinh	56611
		12	X. EaTrol	56612
		13	X. EaBar	56613
		14	X. Ealy	56614
		15	X. Ea Bá	56615
		16	X. Ea Lâm	56616
		17	BCP. Sông Hinh	56650
		18	BĐVHX Chí Thán	56651
	7		**HUYỆN TÂY HÒA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Tây Hòa	56700
		2	Huyện ủy	56701
		3	Hội đồng nhân dân	56702
		4	Ủy ban nhân dân	56703
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56704
		6	TT. Phú Thứ	56706
		7	X. Hòa Bình 1	56707
		8	X. Hòa Tân Tây	56708
		9	X. Hòa Đồng	56709
		10	X. Hòa Thịnh	56710
		11	X. Hòa Mỹ Đông	56711
		12	X. Hòa Mỹ Tây	56712
		13	X. Hòa Phong	56713
		14	X. Hòa Phú	56714
		15	X. Sơn Thành Đông	56715
		16	X. Sơn Thành Tây	56716
		17	BCP. Tây Hòa	56750
		18	BC. Sơn Thành	56751
		19	BĐVHX Đồng Bò	56752
	8		**HUYỆN ĐÔNG HÒA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Đông Hòa	56800
		2	Huyện ủy	56801
		3	Hội đồng nhân dân	56802
		4	Ủy ban nhân dân	56803
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56804
		6	TT. Hoà Vinh	56806
		7	X. Hòa Hiệp Bắc	56807
		8	TT. Hoà Hiệp Trung	56808
		9	X. Hòa Hiệp Nam	56809
		10	X. Hòa Tâm	56810
		11	X. Hòa Xuân Nam	56811

Số thứ tự			Đối tượng gán mã	Mã bưu chính
Tỉnh	Quận	ĐTGM		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		12	X. Hòa Xuân Tây	56812
		13	X. Hòa Xuân Đông	56813
		14	X. Hòa Tân Đông	56814
		15	X. Hòa Thành	56815
		16	BCP. Đông Hòa	56850
		17	BC. Phú Hiệp	56851
	9		**HUYỆN PHÚ HÒA**	
		1	BC. Trung tâm huyện Phú Hòa	56900
		2	Huyện ủy	56901
		3	Hội đồng nhân dân	56902
		4	Ủy ban nhân dân	56903
		5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	56904
		6	TT. Phú Hoà	56906
		7	X. Hòa Định Đông	56907
		8	X. Hòa Thắng	56908
		9	X. Hòa An	56909
		10	X. Hòa Trị	56910
		11	X. Hòa Quang Nam	56911
		12	X. Hòa Quang Bắc	56912
		13	X. Hòa Hội	56913
		14	X. Hòa Định Tây	56914
		15	BCP. Phú Hòa	56950
		16	BC. Hòa Thắng	56951

(Xem tiếp Công báo số 579 + 580)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng